

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh

Tên TCNY: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Mã Chứng khoán: PGI

Địa chỉ trụ sở: Tầng 21,22 – Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 043.7760.867 Fax: 043.7760.868

Người được ủy quyền CBTT: Ông Trần Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Nội dung công bố thông tin: Bổ sung danh sách các công ty trực thuộc và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán trong báo cáo thường niên 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex theo đường dẫn: <http://pjico.com.vn/vi/tai-chinh-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VT, ĐT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
PETROLIMEX**

-----o0o-----



PG INSURANCE
BẢO HIỂM PJICO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

*Thực hiện theo Phụ Lục 04 của Thông tư 155/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn
Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*

Hà Nội, Tháng 04/2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

NĂM BÁO CÁO 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Việt: Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
- Tên tiếng Anh: Petrolimex Insurance Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 67-GP/KDBH
- Vốn điều lệ: 709.742.180.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 915.261.777.938 đồng
- Địa chỉ: Tầng 21, 22 tòa nhà Mipec Tower, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (04) 3776-0867 Fax: (04) 3776-0868, 3776-3283
- Website: www.pjico.com.vn
- Mã cổ phiếu: PGI Tại sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
- SỨ MỆNH:
 - + Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm đồng bộ, đa dạng
 - + Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện
 - + Hợp tác hiệu quả với các đối tác để phát triển và đóng góp xây dựng cộng đồng
 - + Phát triển bền vững gia tăng giá trị cho các cổ đông thông qua đa dạng hóa hoạt động bảo hiểm và Đầu tư tài chính
- TẦM NHÌN: trở thành Tổng Công ty bảo hiểm hàng đầu Việt Nam

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày thành lập: 15 tháng 06 năm 1995

Ngày niêm yết: 29 tháng 07 năm 2011

- Các sự kiện khác:
 - o **Ngày 15/06/1995**: thành lập và đi vào hoạt động chính thức với vốn điều lệ ban đầu là 53 tỷ đồng với 5 chi nhánh trực thuộc.
 - o **Năm 2000**, tăng trưởng doanh thu từ 95 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng với quy mô 12 chi nhánh trực thuộc. PJICO đón nhận huân chương lao động hạng Ba.
 - o **Năm 2003 – 2004**, tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng, tăng trưởng doanh thu vượt bậc lên 700 tỷ đồng với quy mô 35 chi nhánh trực thuộc và hàng chục văn phòng đại diện
 - o **Năm 2008**, tăng vốn điều lệ lên 336 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt 1.308 tỷ đồng.
 - o **Năm 2009**, tổng doanh thu đạt 1.605 tỷ đồng với quy mô 50 chi nhánh trực thuộc, 01 trung tâm cứu hộ và sửa chữa xe cơ giới, hơn 3.000 đại lý trên toàn quốc.

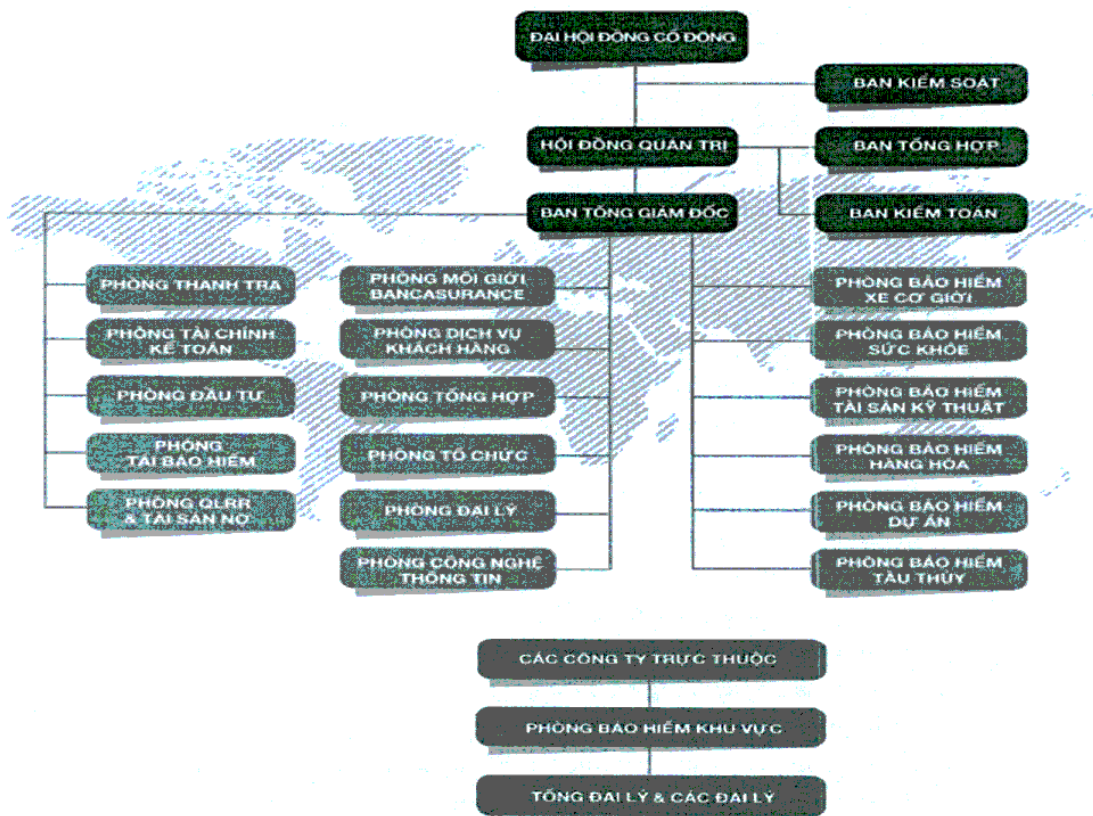
- Năm 2010, tổng doanh thu đạt 1.884 tỷ đồng. PJICO kỷ niệm 15 năm ngày thành lập và đón nhận huân chương lao động hạng Nhì.
- Năm 2011, tổng doanh thu đạt 2.355 tỷ đồng. PJICO chính thức niêm yết trên HOSE
- Năm 2012, tổng doanh thu đạt 2.439 tỷ đồng, vượt qua khủng hoảng kinh tế
- Năm 2013, tổng doanh thu đạt 2.477 tỷ đồng, duy trì mức tăng trưởng bền vững.
- Năm 2014, tổng doanh thu đạt 2.546 tỷ đồng, ghi nhận dấu ấn vượt qua giai đoạn khó khăn chung của thị trường; giữ vững vị trí hàng đầu trên thị trường Bảo hiểm
- Năm 2015, tổng doanh thu đạt 2.757 tỷ đồng, tăng trưởng bền vững, hiệu quả. PJICO kỷ niệm 20 năm ngày thành lập và đón nhận huân chương lao động hạng Nhất
- Năm 2016, tổng doanh thu đạt 2.972 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch doanh thu, giữ vững thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường bảo hiểm Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Bảo hiểm phi nhân thọ; Tái bảo hiểm; Đầu tư tài chính.
- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc. Trong đó các địa bàn lớn nhất bao gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các Công ty con và Công ty liên kết:

Các liên kết hiện tại của DN:

- PJICO đang là thành viên của:
 - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PETROLIMEX)
 - Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam (AVI)
- PJICO đang liên doanh, liên kết, góp vốn với:
 - Công ty CP đầu tư dịch vụ và hạ tầng Xăng dầu (PLAND)
 - Công ty CP xây lắp Petrolimex 1 (PCC1)
 - Liên doanh kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong
 - Tổng công ty Tái bảo hiểm Quốc gia (Vinare)
 - Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Công ty con: 60 công ty trực thuộc phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc (danh sách đính kèm)

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

- Tiếp tục kiên định mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với hiệu quả và chất lượng kinh doanh. Lấy các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, quản trị chi phí là các chỉ tiêu pháp lệnh và cơ sở để phân phối thu nhập, khen thưởng, động viên, đánh giá chất lượng Giám đốc các Công ty, lãnh đạo các Phòng ban Tổng Công ty.
- Phấn đấu đạt doanh thu bảo hiểm gốc 2.343 tỷ; lợi nhuận trước thuế 115 tỷ.
- Xây dựng chỉ tiêu đo lường KPI áp dụng các Phòng Ban VPTCTY.
- Thực hiện đề án đánh giá hệ số tín nhiệm theo tiêu chuẩn quốc tế. Hoàn thiện nội dung đánh giá tín nhiệm như: dữ liệu, chỉ tiêu tài chính, nghiệp vụ, đầu tư, hệ thống công nghệ thông tin, các vấn đề về vốn. Đồng thời đưa dự án phần mềm nghiệp vụ chạy thử một số phần hành quan trọng như nghiệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới, bảo hiểm Con người ...
- Đảm bảo duy trì và đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường.
- 100% trường hợp được tuyển dụng, bổ nhiệm, xếp lương, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt Hợp đồng lao động theo đúng quy định của Pháp luật và Tổng Công ty.
- 100% Giám định viên, Bồi thường viên của PJICO được đào tạo nghiệp vụ liên quan và được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn theo quy định.

- 100% Đại lý được đào tạo và cấp Giấy chứng nhận của PJICO.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao năng suất lao động và cơ hội phát triển nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Kiên định thực hiện cơ chế, phương thức kinh doanh tăng trưởng hợp lý, bền vững gắn liền với hiệu quả và chất lượng
- Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm đồng bộ, đa dạng và có chất lượng cao định hướng vào khách hàng.
- Phát triển bền vững để gia tăng giá trị cho các cổ đông thông qua đa dạng hóa hoạt động bảo hiểm và đầu tư tài chính
- Duy trì và đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Tổng Công ty:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy tài năng và sáng tạo; thực hiện tốt các cam kết với người lao động.
- Xây dựng mối quan hệ bền vững với các đối tác (cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị truyền thông ...). Hợp tác hiệu quả với các đối tác để cùng phát triển và đóng góp xây dựng cộng đồng.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng, thường xuyên tổ chức các chương trình tri ân và hỗ trợ khách hàng.
- Không ngừng tăng cường trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các chương trình từ thiện, các công tác xã hội. Huy động được sức mạnh các đội ngũ cán bộ nhân viên vào các phong trào xã hội. Nâng cao uy tín của Tổng Công ty với cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro bảo hiểm: là rủi ro liên quan đến tổn thất mà Tổng Công ty có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện được bảo hiểm.
- Rủi ro tài chính: bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.
 - Rủi ro tín dụng là rủi ro liên quan đến tổn thất mà Tổng Công ty có thể phải gánh chịu do thay đổi bất lợi về khả năng trả nợ theo các điều khoản Hợp đồng của các đối tác
 - Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

- Rủi ro thị trường: Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do những yếu tố chính như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá.
- Rủi ro hoạt động: là rủi ro gây ra tổn thất do sự thiếu hụt hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống hoặc các sự kiện khách quan bên ngoài. Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu bao gồm phí bảo hiểm gốc, phí nhận tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và đầu tư đạt 2.933 tỷ, tăng trưởng 10,6% so với năm ngoái. Đây được đánh giá là mức tăng trưởng hợp lý, hiệu quả và bền vững. Lợi nhuận trước thuế đạt 125,4 tỷ đồng tăng 13,3% so với năm 2015, hoàn thành 108,3% kế hoạch lợi nhuận năm.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Sinh ngày	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Đào Nam Hải	Tổng Giám đốc	11/08/1974	41.852	0,06
Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	20/09/1969	91.697	0,13
Nguyễn An Hoà	Phó Tổng Giám đốc	01/05/1960	18.571	0,03
Bùi Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	02/04/1964	26.143	0,04
Lê Thanh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	10/08/1964	1.452	0,002
Vương Quốc Hưng	Trưởng phòng KTTC	14/2/1969	0	0

– Chính sách và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

PJICO tiếp tục thực hiện trả lương tách biệt cho giám đốc và phụ trách kế toán các đơn vị thành viên, tạo sự đồng nhất trong hệ thống, gắn chặt tiền lương, tiền thưởng của người đứng đầu quản lý đơn vị với kết quả kinh doanh và quản lý tài chính. Toàn hệ thống có 1.614 CBNV, năng suất lao động bình quân theo doanh thu đạt 1,52 tỷ đồng/người/năm, tăng 6% so với năm 2015. Tiền lương bình quân cũng được tăng thêm 9-10%.

PJICO đang tích cực phối hợp với đơn vị tư vấn PwC thực hiện đánh giá, hướng dẫn, đào tạo và xây dựng KPI cấp Tổng Công ty, cấp phòng ban và một số đơn vị trực thuộc. Tổng Công ty kỳ vọng sau khi triển khai thành công sẽ mang lại hiệu quả, hiệu suất làm việc tốt hơn, rõ rệt của các cá nhân, đơn vị, việc đánh giá và trả lương theo đó cũng sẽ được điều chỉnh theo hướng chính xác và tích cực hơn.

- Chính sách tìm kiếm, tuyển dụng và sử dụng tài năng:
 Tổng Công ty luôn trân trọng, tìm kiếm và tuyển dụng sử dụng tài năng, đặc biệt là tài năng trẻ, tạo điều kiện để họ phát huy hết khả năng của mình
- Chính sách cơ cấu nhân lực kế cận: Mỗi vị trí chủ chốt, vị trí quan trọng, Tổng Công ty đều có chính sách đối với các vị trí này để cán bộ yên tâm công tác, cống hiến toàn tâm toàn lực cho Tổng Công ty và bản thân họ. Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận của các giai đoạn tiếp theo.
- Trách nhiệm đối với người lao động:
 - Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với Người lao động theo quy định của Nhà Nước và Hợp đồng lao động.
 - Tổng Công ty luôn chú trọng, quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động như: Đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo quyền lợi của Người lao động, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao.
- Các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp:
 - Đảng : Có ; Chưa có ; Đang thành lập
 - Công đoàn: Có ; Chưa có ; Đang thành lập
 - Đoàn thanh niên: Có ; Chưa có ; Đang thành lập
 Các tổ chức khác: Hội CCB PJICO, Ban Nữ Công, CLB Tennis, CLB bóng đá
- Các hoạt động văn hoá, thể thao dành cho người lao động trong doanh nghiệp: hàng năm tại Văn phòng Tổng Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc đều tổ chức giao lưu văn hóa thể thao nội bộ.

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Doanh thu đầu tư năm 2016 đạt 154,1 tỷ đồng, hoàn thành 113,6% kế hoạch năm, tỷ suất đầu tư đạt ROI 8,59% trên nguồn vốn đầu tư bình quân 1.793 tỷ đồng.

Năm 2016 là năm thứ sáu cổ phiếu PJICO được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM, với mã PGI. số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 70.974.218 cổ phần. Trong năm, PJICO đã bán hết số lượng cổ phiếu quỹ và thu về số tiền thặng dư vốn là 9,8 tỷ đồng. Giá đóng cửa của cổ phiếu PGI tại ngày 31/12/2016 là 21.900 đồng/cổ phiếu, tăng 31% so với cùng thời điểm năm trước. Chi trả cổ tức năm 2015 là 10%; tạm ứng cổ tức 2016 là 10% vào tháng 1 năm 2017.

PJICO tiếp tục củng cố, đầu tư hệ thống cơ sở vật chất cho các công ty thành viên, phần đầu từng bước hoàn thành mục tiêu 100% các đơn vị có trụ sở khang trang, ổn định, tạo uy tín và thương hiệu PJICO vững mạnh trên địa bàn. PJICO đã đưa trụ sở PJICO Bình Phước, PJICO Sơn La đi vào hoạt động.

3. Tình hình tài chính

Thực hiện phân tách số liệu theo thông tư 232/2012/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2014.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.717.220.008.528	4.293.072.050.293	15,49
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.896.564.438.151	2.066.758.581.415	8,98
Doanh thu hoạt động tài chính	126.750.924.880	144.038.222.137	13,6
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	310.733.889.607	335.708.412.601	8,03
Lợi nhuận hoạt động tài chính	95.139.031.785	105.005.650.167	10,3
Lợi nhuận khác	1.818.016.190	(173.269.187)	(90,46)
Lợi nhuận trước thuế	119.815.545.263	125.394.945.643	4,6
Lợi nhuận sau thuế	96.891.431.208	101.971.022.860	5,2
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.188	1.446	21,7

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,07	1,09
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,60	0,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	78,38	78,70
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	21,62	21,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	54,4	51,4
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,54	4,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,61	2,38
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	12,06	11,15

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đã phát hành thời điểm 31/12/2016	:	70.974.218 cổ phần
Số cổ phần phổ thông đang lưu hành thời điểm 31/12/2016	:	70.974.218 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2016	:	0 cổ phần

Số cổ phần được tự do chuyển nhượng : 70.974.218 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	70.055.038	98,70%
2	Cổ đông nước ngoài	919.180	1,30%
Tổng cộng		70.974.218	100%
1	Cổ đông pháp nhân	53.013.369	74,69%
2	Cổ đông cá nhân	17.960.849	25,31%
Tổng cộng		70.974.218	100%
1	Cổ đông lớn	49.688.848	70,01%
2	Cổ đông nhỏ	21.285.370	29,99%
Tổng cộng		70.974.218	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty: không có

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tổng quan về tình hình kinh tế xã hội và thị trường bảo hiểm

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện.

b) Đánh giá về hoạt động của PJICO

Năm 2016 là năm thứ 4 PJICO vẫn kiên định thực hiện chuyển đổi định hướng kinh doanh tập trung vào phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả. Tổng doanh thu bao gồm phí bảo hiểm gốc, phí nhận tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và đầu tư đạt 2.933 tỷ đồng, tăng trưởng 10,6%. Lợi nhuận trước thuế đạt 125,4 tỷ đồng tăng 13,3% so với năm 2015, hoàn thành 108,3% kế hoạch lợi nhuận năm, tăng 13% so với năm 2015. Năng suất lao động bình quân đạt 1,52 tỷ đồng/người/năm, tăng 6% so với năm 2015, thu nhập bình quân người lao động tăng 9-10% so với năm trước.

BH xe cơ giới

Trong năm tài chính 2016, doanh thu bảo hiểm xe cơ giới toàn Tổng Công ty đạt 1.099,2 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2015 và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao năm 2016 là một nỗ lực khai thác đáng ghi nhận của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ xe ô tô là 56%, tỷ lệ bồi thường xe máy 10%.

BH con người

Doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm con người năm 2016 của PJICO đạt 287,2 tỷ đồng, tăng trưởng 5,3% so với năm 2015, trong đó doanh thu bảo hiểm học sinh đạt 81 tỷ đồng, giảm 2,5 tỷ đồng so với năm 2015. Tỷ lệ bồi thường tăng 4% so với năm trước do chi phí y tế tăng mạnh.

BH tài sản, hỗn hợp

Doanh thu nghiệp vụ tài sản, kỹ thuật và hỗn hợp năm 2016 đạt 471,5 tỷ đồng, trong đó:

- Nghiệp vụ Tài sản và thiệt hại: 229,7 tỷ đồng, tăng 69,6% so với số điều chỉnh lại năm 2015 và hoàn thành 104% kế hoạch năm 2016.
- Nghiệp vụ cháy nổ và trách nhiệm chung: 241,8 tỷ đồng, hoàn thành 119% kế hoạch năm 2016.

Năm 2016, PJICO đẩy mạnh bảo hiểm nhà tư nhân phát sinh từ nhu cầu thực tế thị trường. Cơ cấu tỷ trọng doanh thu được cải thiện, tăng nghiệp vụ hỗn hợp rõ nét. Tỷ lệ bồi thường 23,7%; giảm hơn 20% so với năm 2015. Trong đó bồi thường bảo hiểm Tài sản khoảng 83 tỷ đồng, Hỗn hợp là 3 tỷ đồng. Lợi nhuận quản trị nghiệp vụ đạt 10 tỷ đồng

BH tàu thủy, P&I

Doanh thu nghiệp vụ tàu thủy của PJICO trong năm 2016 đạt 441,7 tỷ đồng, tăng trưởng 39% so với cùng kỳ năm ngoái, hoàn thành 118% kế hoạch. Tỷ lệ bồi thường ước khoảng 36%. Doanh thu tàu cá theo nghị định 67 đạt 128 tỷ đồng.

BH hàng hóa

Năm 2016, doanh thu bảo hiểm hàng hóa toàn Tổng Công ty đạt 196 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường khoảng 23% tương đương 45,9 tỷ đồng, duy trì lợi nhuận quản trị nghiệp vụ liên tiếp cho năm nay lên đến 30 tỷ đồng.

BH Kỹ thuật/Dự Án

Doanh thu đạt 106 tỷ đồng, hoàn thành 76% kế hoạch năm. Việc sụt giảm doanh thu một mặt do thị trường chung giảm bởi đầu tư công hạn chế do nợ công lớn, mặt khác do cạnh tranh khốc liệt phi kỹ thuật về phí bảo hiểm, điều kiện áp dụng nhất là các dịch vụ qua môi giới, đấu thầu bảo hiểm.

Tỷ lệ bồi thường năm 2016 ước khoảng 28,5% cho thấy nghiệp vụ bảo hiểm Kỹ thuật mà doanh thu chủ yếu ở các đơn bảo hiểm dự án xây dựng, lắp đặt luôn cho thấy hiệu quả nghiệp vụ tích cực PJICO cần đẩy mạnh.

Công tác tái bảo hiểm

Năm 2016, thực hiện nhượng phí tái bảo hiểm khoảng 635,9 tỷ đồng, doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm 133,4 tỷ đồng và thu đòi bồi thường tái bảo hiểm khoảng 158,2 tỷ đồng.

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2016 đạt 161,1 tỷ đồng, hoàn thành 100,7% kế hoạch doanh thu nhận tái bảo hiểm 2016 và bằng 98,3% so với mức thực hiện năm 2015

Công tác đầu tư tài chính:

Doanh thu đầu tư năm 2016 đạt 154,1 tỷ đồng, hoàn thành 113,6% kế hoạch năm, tỷ suất đầu tư đạt ROI 8,59% trên nguồn vốn đầu tư bình quân 1.793 tỷ đồng.

Hoàn thành các công trình xây dựng và đưa vào vận hành sử dụng một số trụ sở các đơn vị. Phủ kín 100% diện tích cho thuê toà nhà 186 Điện Biên Phủ, Q3, TP Hồ Chí Minh. Trong đó doanh thu cho thuê năm 2016 đạt 11,4 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch và bằng 103% so với năm trước, lợi suất đầu tư đạt 14,59%.

Mã cổ phiếu PGI của PJICO đã được niêm yết năm thứ sáu liên tiếp trên cơ sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE). Tổng số cổ phiếu đang niêm yết là 70.974.218 cổ phần, trong đó cổ phiếu quỹ là 1.396.870 cổ phần và đã được PJICO bán hết trong năm 2016 thu về số tiền thặng dư vốn từ bán cổ phiếu quỹ là 9,8 tỷ đồng. Do biến động giá toàn thị trường, cổ phiếu PGI giao dịch dao động từ 16.700 đến 21.900 đồng/cổ phần. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015 là 10% và dự kiến cổ tức năm 2016 là 10%.

Kênh khai thác qua môi giới – Bancassurance

Tổng Công ty rất chú trọng khai thác quan kênh này theo hướng có tổ chức và hệ thống trên toàn quốc. Năm 2016, Doanh thu qua môi giới đạt 131 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2015 và hoàn thành 101% kế hoạch.

PJICO đang tích cực thương thảo với các tổ chức như Vietcombank, hợp tác độc quyền sản phẩm xe ô tô và nhà tư nhân với HDBank....Đặc biệt, việc PJICO ký được hợp đồng hợp tác với Vietcombank, ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam, không những mở ra cơ hội kinh doanh cho hệ thống của PJICO mà còn thúc đẩy thương hiệu PJICO

Công tác quản lý, phát triển kênh bán hàng qua hệ thống đại lý

Tổng số lượng đại lý của PJICO năm 2016 là 2.119. Trong đó có 2.019 đại lý cá nhân và 100 đại lý tổ chức. Doanh thu năm 2016 qua đại lý đạt khoảng 1.031 tỷ đồng bao gồm doanh thu trong và ngoài xăng dầu. Doanh thu bảo hiểm qua các cửa hàng xăng dầu

thành viên Petrolimex đạt 100 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch và tăng 30% so với năm 2015.

Năm 2016, toàn hệ thống PJICO đã tổ chức được 22 khóa đào tạo đại lý bao gồm cả đào tạo cấp chứng chỉ và nâng cao với 1.471 học viên, trong đó thi cấp đỗ chứng chỉ là 804 học viên và nâng cao 558 học viên.

Công tác quản lý tài chính, thu hồi công nợ

Triển khai hệ thống phần mềm quản lý kế toán trên cơ sở dữ liệu tập trung, hỗ trợ đơn vị trong hệ thống công tác hạch toán kế toán đến công tác quản trị doanh thu, chi phí, đáp ứng nhu cầu phân tích hệ thống báo cáo quản trị của PJICO.

Tình hình vượt chi được hạn chế và cải thiện nhiều so với 2015. Tổng vượt chi ước 8 tỷ đồng, giảm 55% (tương đương giảm 10 tỷ đồng) so với 2015.

Kết quả thu hồi, xử lý nợ xấu năm 2016:

- Thu hồi: 10,8 tỷ đồng, đạt 135% kế hoạch
- Xử lý các khoản nợ trên phân cấp: 5,23 tỷ đồng, đạt 52,3% kế hoạch
- Xử lý các khoản nợ thuộc phân cấp của Giám đốc đơn vị: 704 triệu đồng, đạt 10% kế hoạch

Công tác triển khai ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin

Tổng Công ty đang hoàn thành việc kiểm thử nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, tài sản kỹ thuật và tái bảo hiểm trên Premia và ứng dụng vào đầu năm 2017. Các nghiệp vụ hàng hóa, tàu thủy và xe cơ giới được thực hiện năm 2016. Các phần mềm giám định bồi thường xe cơ giới, tái bảo hiểm... được PJICO quan tâm đầu tư nhằm nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của mảng công tác này.

Nâng cao chất lượng hỗ trợ các đơn vị vận hành và quản lý hệ thống CNTT nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định thuận tiện.

Công tác PR, truyền thông và dịch vụ khách hàng:

Phòng chăm sóc khách hàng và Phòng Bảo hiểm xe cơ giới và các phòng ban thực hiện chương trình khuyến mại tặng thẻ xăng đối với bảo hiểm vật chất thân xe ô tô. Luôn đánh giá hiệu quả theo quý để rút kinh nghiệm triển khai. Tổng đài chăm sóc khách hàng nhận hơn 7.500 các cuộc điện thoại đến và chủ động thực hiện gần 30.000 cuộc điện thoại đi, giới thiệu các dịch vụ đến đông đảo khách hàng, đồng thời khảo sát kết quả của chương trình khuyến mại, thăm dò mức độ hài lòng của khách hàng

Với công việc chính là kinh doanh bán bảo hiểm online với doanh thu tốt là trên 3 tỷ đồng, bộ phận bán hàng trực tuyến còn thực hiện chiến dịch quảng bá sản phẩm qua các kênh bán hàng online như Facebook, Forum...

Công tác tìm kiếm đối tác chiến lược:

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài để phát hành cổ phần riêng lẻ, PJICO đã phối hợp với các đơn vị tư vấn thực hiện công tác đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư tiềm năng. Dự kiến, năm 2017, PJICO hoàn tất việc phát hành cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.

Công tác Đảng, đoàn thể, các hoạt động khác:

Tổng công ty đã kiện toàn các chi bộ thuộc khối Văn phòng đảm bảo phù hợp chức năng, nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành xây dựng các chương trình công tác năm 2016 của Đảng ủy và UBKT Đảng. Tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Bộ công thương tặng bằng khen cho 04 tập thể và 04 cá nhân của PJICO. Nhiều cá nhân và tập thể được Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam khen thưởng.

Tổng Công ty đã mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe – y tế và trang bị đồng phục cho toàn thể CBNV trong hệ thống.

Các hoạt động an sinh xã hội luôn được PJICO coi trọng. Năm 2016, PJICO đóng góp trên 1,3 tỷ đồng, trong đó ủng hộ 800 mũ bảo hiểm cho học sinh dân tộc Thái trị giá hơn 300 triệu đồng, ủng hộ đồng bào miền trung 235 triệu đồng, tặng quà cho học sinh bán trú xã Xuân Minh, Huyện Quang Bình, Hà Giang trị giá 106 triệu đồng. Nhiều đơn vị thành viên nhiệt tình tham gia ủng hộ công tác thiện nguyện, xây nhà tình nghĩa tại địa phương.

2. *Đánh giá chung về các mặt hoạt động của PJICO năm 2016*

Với sự đoàn kết đồng lòng, với định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị; sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực khắc phục khó khăn của các phòng ban, đơn vị cũng như toàn thể cán bộ nhân viên cùng sự giúp đỡ tận tình của các cổ đông sáng lập; Tổng Công ty đã có sự thay đổi cơ bản về nhận thức, nền tảng kinh doanh và đã hoàn thành toàn diện, vượt mức kế hoạch 2016 được giao trên tất cả các chỉ tiêu. Kết quả này là rất quan trọng tạo niềm tin và tiền đề phát triển bền vững cho PJICO trong các năm tiếp theo

IV . ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TCTY

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty*

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Tổng công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết thực hiện. HĐQT đã tổ chức họp 04 phiên họp, 14 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng

văn bản, ban hành 06 Nghị quyết, 25 Quyết định để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT trong công tác chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tổng công ty. Một số công việc chính như sau:

- Xây dựng, sửa đổi bổ sung Điều lệ PJICO đảm bảo phù hợp với Quy định mới của Pháp luật ; trình ĐHĐCĐ và đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/4/2016;
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2016;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2016 trình ĐHĐCĐ phê duyệt; Tổ chức thực hiện giao kế hoạch chi tiết cụ thể làm cơ sở để Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc;
- Giám sát tiến độ thực hiện triển khai kế hoạch kinh doanh thông qua: Báo cáo tài chính kiểm toán; Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tại các cuộc họp HĐQT;
- Phân tích, đánh giá, tổ chức và quy hoạch lại các phòng tại Văn phòng Tổng công ty và hệ thống các đơn vị trực thuộc trên địa bàn cả nước nhằm đảm bảo xác lập hệ thống quản trị, điều hành và tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả bền vững. Theo đó: Đổi tên Phòng bảo hiểm con người thành Phòng Bảo hiểm sức khỏe tại Văn Phòng Tổng công ty; Điều chỉnh bổ sung chức năng nhiệm vụ của Phòng Đầu tư tài chính và Phòng Tài chính Kế toán; thành lập thêm Công ty Bảo hiểm PJICO Đông Sài Gòn trực thuộc Tổng công ty tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đang trình Bộ Tài Chính phê duyệt để tiếp tục thành lập Công ty Bảo hiểm trực thuộc thứ tư tại khu vực Hà Nội;
- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ tăng vốn điều lệ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, mục tiêu để tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tài chính trong hoạt động kinh doanh của PJICO. Về nội dung này, HĐQT sẽ có báo cáo cụ thể với ĐHĐCĐ sau khi đã hoàn tất các nội dung đàm phán với Nhà đầu tư;
- Để đáp ứng yêu cầu công tác quản trị phù hợp với các quy định của Nhà nước và điều kiện kinh doanh hiện tại, HĐQT đã chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi bổ sung và ban hành “Quy chế quản lý thực hiện công tác tổ chức, cán bộ và lao động tiền lương của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex” để thay thế Quy chế cũ không còn phù hợp. Các Quy chế quản trị nội bộ khác tiếp tục được rà soát để tiếp tục hoàn thiện;
- Chỉ đạo tiếp tục đẩy nhanh áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý nghiệp vụ, nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ. Theo đó đã từng bước vận hành các phân hệ quản lý

nghiệp vụ phần mềm Premia ; các lĩnh vực quản lý khác của Tổng công ty cũng khuyến khích việc áp dụng phần mềm Công nghệ thông tin quản lý nếu thấy cần thiết ;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc trong các hoạt động, cụ thể:

- HĐQT luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban Tổng giám đốc; các đề xuất của Tổng giám đốc đối với HĐQT đều được thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời tạo điều kiện cho hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc; đối với các vấn đề phát sinh, HĐQT thông báo đầy đủ, kịp thời với Ban Tổng giám đốc nhằm tiếp tục thúc đẩy hoạt động quản lý và điều hành kinh doanh của Tổng công ty đạt hiệu quả cao hơn;
- Tổng giám đốc điều hành đã thực hiện có trách nhiệm các Nghị quyết, Quyết định của ĐHDCĐ và HĐQT; Chỉ đạo các cán bộ quản lý Đơn vị, VP Tổng công ty chấp hành đầy đủ các quyết định của HĐQT, quy định của Nhà nước và Điều lệ Tổng công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Tình hình chung:

Theo nhận định của các chuyên gia: Năm 2017 Thị trường bảo hiểm có tín hiệu chuyển biến tích cực, tuy nhiên các công ty bảo hiểm nói chung và PJICO nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, do tình trạng cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực bảo hiểm và tình hình tồn thất, trục lợi trong lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp.

3.2. Định hướng của HĐQT năm 2017:

3.2.1 Kế hoạch kinh doanh:

Nắm bắt xu thế của thị trường, ngay từ cuối năm 2016, trên cơ sở tình hình dự báo kết quả thực hiện năm 2016 của Tổng công ty, HĐQT đã sớm tổ chức xây dựng và giao kế hoạch kinh doanh sớm đối với Tổng công ty, cùng với việc tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản lý, quản trị và kiểm soát rủi ro, tập trung thực hiện các giải pháp để giảm thiểu thấp nhất những tác động bất lợi ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cụ thể năm 2017 như sau:

- Tổng doanh thu: 3.071,5 tỷ đồng, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc: 2.620 tỷ đồng (đã bao gồm kế hoạch bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67/CP là 120 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: 140 tỷ đồng tăng 11,6% so với thực hiện năm 2016.
- Dự kiến chi trả cổ tức mức tối thiểu: 11%.

Đây là chỉ tiêu tối thiểu được xác định phù hợp với thực tế tăng trưởng và năng lực của Tổng công ty.

3.2.2. Các định hướng công tác của HĐQT trong năm 2017:

- Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thông qua, HĐQT tổ chức chỉ đạo triển khai và giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch năm 2017 của Tổng công ty đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất có thể.

- Tiếp tục hoàn thành các thủ tục theo quy định để thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài. Phần đầu hoàn thành trong năm 2017.

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc Tổng công ty, nghiên cứu, xây dựng các giải pháp tăng năng lực cạnh tranh, gia tăng thị phần bảo hiểm của Tổng công ty ;

- Tiếp tục chú trọng phát triển nguồn nhân lực: tập trung đầu tư đào tạo lại và đào tạo nâng cao kỹ năng về quản lý đối với đội ngũ các cấp lãnh đạo ; liên tục chỉ đạo tổ chức các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; tạo môi trường làm việc thuận lợi, cơ sở vật chất đầy đủ để các cán bộ có thể phát huy được tối đa năng lực và khả năng sáng tạo trong công việc; đảm bảo thu nhập và các chế độ phúc lợi khác đối với người lao động theo đúng quy định.

- Duy trì, nâng cao chất lượng quản lý, quản trị đối với mọi mặt hoạt động của Tổng công ty: Thực hiện rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành các quy chế mới thay thế quy chế cũ đã không còn phù hợp; tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời để hạn chế mức thấp nhất những sai sót và rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính cũng như mọi mặt quản lý của Tổng công ty; đưa ứng dụng Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của Tổng công ty.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND	Tỷ lệ SHCP
1	Đình Thái Hương	Chủ tịch HĐQT	1960	010410998	0.01%

2	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên chuyên trách	1959	022059000003	0.01%
3	Đào Nam Hải	Thành viên điều hành	1974	012435142	0.06%
4	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên không điều hành		011823051	0
5	Trần Quốc Hùng	Thành viên không điều hành	1957	011129835	0.06%
6	Trần Minh Tuấn	Thành viên không điều hành	1957	010538212	0
7	Lê Văn Thanh	Thành viên không điều hành <i>(đến ngày 16/1/2017)</i>	1968	012563169	0

b) Các Ban thuộc Hội đồng quản trị.

- o Ban Tổng Hợp – HDQT
 - i. Ông Hoàng Thế Vinh - Trưởng ban
 - ii. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Phó ban
 - iii. Ông Vũ Minh Quang - Chuyên viên
- o Ban Kiểm Toán
 - 1. Bà Ngô Thị Thuận - Trưởng ban
 - 2. Bà Nguyễn Thị Tố Nga - Phó Ban
 - 3. Bà Đặng Thị Thu Ngọc - Chuyên viên
 - 4. Ông Nguyễn Hồng Thương - Chuyên viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2016/PJIC O/NQ-HDQT	01/03/2016	Đồng ý với đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình Hội đồng quản trị số 245/PJICO-TTR-TGD ngày 04/02/2016 về việc đổi tên, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ một số phòng tại Văn phòng Tổng công ty.
02	02/2016/PJIC O/NQ-HDQT	15/03/2016	I. Đồng ý thông qua nội dung công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ĐHĐCĐ) II. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ năm 2016 đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

03	03/2016/PJIC O/NQ-HDQT	29/03/2016	<p>I. Thông qua kết quả kinh doanh năm 2015 (đã được kiểm toán) và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 của Tổng công ty như sau:</p> <p>1. Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2015:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu: 2.757,5 tỷ đồng. Trong đó Doanh thu bảo hiểm gốc: 2.231,2 tỷ đồng hoàn thành 104,1% kế hoạch được giao và tăng 5,1% so năm 2014. - Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 115 tỷ đồng, hoàn thành 104,5% kế hoạch lợi nhuận năm 2014. - Dự kiến mức chia cổ tức cho cổ đông 10%. <p>2. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu: 2.838 tỷ đồng, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc: 2.343 tỷ đồng (doanh thu bảo hiểm gốc tăng trưởng 5% so với thực hiện năm 2015). - Lợi nhuận trước thuế: 120 tỷ đồng, - Dự kiến chi trả cổ tức mức tối thiểu: 10%. <p>II. Thông qua các tài liệu Báo cáo và Tờ trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2016</p>
4	04/2016/PJIC O/NQ-HDQT	05/07/2016	<p>I. Nhận định về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016:</p> <p>Qua báo cáo nhanh tình hình thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm 2016 của Tổng giám đốc (có báo cáo chi tiết kèm theo), Hội đồng quản trị đánh giá như sau:</p> <p>1. Tổng công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2016 đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ về khối lượng và thời gian. Theo số liệu báo cáo nhanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bảo hiểm gốc: 1.170 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt 50% kế hoạch 2016;

		<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc: 439 tỷ đồng, chiếm 37,5% doanh thu bảo hiểm gốc, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2015; - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 78 tỷ đồng, hoàn thành 65% kế hoạch lợi nhuận năm 2016 và tăng 20% so với cùng kỳ năm 2015. <p>2. Về hoạt động quản trị của Tổng công ty:</p> <p>Các mặt công tác quản lý hoạt động của Tổng công ty cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu hoạt động quản trị doanh nghiệp. Tổng công ty cần tiếp tục có các biện pháp nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý để mọi hoạt động của Tổng công ty đều đi vào nề nếp, giúp cho hệ thống vận hành thông suốt, hiệu quả, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.</p> <p>3. Trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016, Hội đồng quản trị yêu cầu triển khai một số việc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhất trí các nội dung công việc trọng tâm tập trung thực hiện trong 06 tháng cuối năm 2016 theo như Báo cáo của Tổng giám đốc; - Căn cứ phân tích Báo cáo quyết toán chính thức 6 tháng của Tổng công ty và các đơn vị, Tổng giám đốc tổ chức đánh giá hiệu quả đối với từng đơn vị, từng nghiệp vụ. Từ đó đề ra các giải pháp cụ thể, linh hoạt nhằm mục tiêu: Kết hợp phát triển bền vững với tốc độ tăng trưởng trên cơ sở phù hợp với năng lực nội tại của Tổng công ty; phấn đấu hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh năm 2016; - Giao cho Tổng giám đốc trong Quý 3/2016 khẩn trương chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng Quy chế tổ chức cán bộ và lao động, tiền lương để thay thế Quy
--	--	---

			chế cũ không phù hợp với quy định hiện hành và quy mô phát triển của Tổng công ty.
	05/2016/PJIC O/NQ-HĐQT	02/11/2016	Thành lập Công ty bảo hiểm PJICO Đông Sài Gòn trực thuộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex:
06	06/2016/PJIC O/NQ-HĐQT	07/12/2016	<p>I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 và định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2017:</p> <p>* Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bảo hiểm gốc: 2.426 tỷ đồng, hoàn thành 103,5% kế hoạch năm; - Lợi nhuận trước thuế đạt: 125 tỷ đồng hoàn thành 104,2% kế hoạch năm; - Chia cổ tức: Tối thiểu 10%. <p>* Kế hoạch kinh doanh năm 2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhất trí thông qua các chỉ tiêu kế hoạch theo đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình Hội đồng quản trị số 2506/PJICO-TTr-TGD ngày 01/12/2016 và các tài liệu kèm theo. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoàn thiện tài liệu để Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị chính thức ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch kinh doanh tổng hợp năm 2017. <p>II. Đồng ý thông qua Phương án tái bảo hiểm năm 2017 theo đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình Hội đồng quản trị số 2440/PJICO/TTR/TGD ngày 24/11/2016. Căn cứ nội dung phương án Tái bảo hiểm năm 2017 được Hội đồng quản trị phê duyệt, giao Tổng giám đốc chủ động tổ chức thực hiện đàm phán các điều khoản/điều kiện của các hợp đồng tái</p>

			<p>bảo hiểm cố gắng đạt được lợi ích cao nhất có thể cho PJICO; hoàn thành việc thu xếp hợp đồng trước ngày 01/01/2017 và ký kết với các nhà nhận tái bảo hiểm. Sau khi hoàn thành việc thu xếp hợp đồng với các nhà nhận tái bảo hiểm năm 2017, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả đạt được theo quy định.</p> <p>Điều 4. Một số nội dung khác:</p> <p>4.1. Tạm ứng cổ tức năm 2016 cho các cổ đông theo như đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình HĐQT số 2538/2016/PJICO-TGD ngày 06/12/2016</p> <p>4.2. Giao dịch cổ phiếu:</p> <p>- Đồng ý bán hết số lượng cổ phiếu của VIPCO mà PJICO đang nắm giữ theo như đề nghị của Tổng giám đốc tại Tờ trình HĐQT số 2401/PJICO-TGD-TTR ngày 11/11/2016.</p> <p>4.3. Ghi nhận và thống nhất nội dung báo cáo tiến độ công việc tìm kiếm đối tác chiến lược quốc tịch nước ngoài để phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng Vốn điều lệ tại công văn số 2543/2016/PJICO-CV ngày 06/12/2016. Giao Tổng giám đốc và Ban Tham mưu xúc tiến tìm kiếm đối tác chiến lược thực hiện việc đàm phán với đối tác Samsung Fire and Marine Insurance Co., Ltd, trên cơ sở tuân thủ đúng các nguyên tắc của Phương án tăng Vốn điều lệ đã được phê duyệt, theo đúng quy định của Tổng công ty và quy định của pháp luật.</p>
7	01/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	01/03/2016	Đổi tên Phòng bảo hiểm con người thành Phòng Bảo hiểm sức khỏe tại Văn Phòng Tổng công ty
8	02/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	01/03/2016	Thay đổi chức năng và nhiệm vụ của Phòng Đầu tư tài chính và Phòng Tài chính Kế toán tại Văn phòng Tổng công ty

9	03/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	10/03/2016	Thành lập Ban chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
10	04/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	10/03/2016	Thành lập Tiểu Ban giúp việc cho Ban chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
11	05/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	10/03/2016	Thành lập Ban Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
12	06/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	10/03/2016	Thành lập Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex
13	07/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	18/03/2016	Bổ nhiệm lại cán bộ
14	08/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	15/04/2016	Bổ nhiệm lại cán bộ
15	09/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	29/05/2016	Thành lập đoàn công tác tại PJICO Bạc Liêu
16	10/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	02/06/2016	Giao kế hoạch kinh doanh cho Công ty TNHH MTV Cứu Hộ Hải Phòng
17	11/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	11/07/2016	Cán bộ nghỉ hưu hưởng bảo hiểm xã hội
18	12/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	30/05/2016	Cử cán bộ đi học lớp Cao cấp lý luận chính trị
19	13/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	24/08/2016	Bổ nhiệm Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên cứu hộ PJICO Hải Phòng
20	14/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	28/06/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
21	15/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	27/07/2016	Nâng bậc lương đối với cán bộ

22	16/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	27/07/2016	Nâng bậc lương đối với cán bộ
23	17/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	30/08/2016	Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng hạn mức cấp bảo lãnh
24	18/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	16/09/2016	Thành lập Đoàn công tác theo Quy chế “Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán”
25	19/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	04/10/2016	Bổ nhiệm lại cán bộ
26	20/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	24/10/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
27	21/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	01/12/2016	Ban hành Quy chế quản lý thực hiện công tác tổ chức, cán bộ và lao động tiền lương TCTY
28	22/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	15/12/2016	Thành lập Công ty bảo hiểm PJICO Đông Sài Gòn
29	23/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	15/12/2016	Bổ nhiệm cán bộ
30	24/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	15/12/2016	Giao kế hoạch kinh doanh tổng hợp năm 2017
31	25/2016/PJICO /QĐ-HĐQT	30/12/2016	Bổ nhiệm lại cán bộ

d)Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

1. Ông Nguyễn Văn Tiến - Ủy viên HĐQT chuyên trách

- Theo dõi, đôn đốc hoạt động hàng ngày của các Ban trực thuộc HĐQT (Ban Tổng hợp, Ban Kiểm toán nội bộ,...);
- Theo dõi, phụ trách công tác Tài chính - kế toán, quản lý tài sản nợ và rủi ro tài chính;
- Theo dõi, phụ trách công tác quản lý chất lượng hoạt động của TCTy (Hệ thống quản lý chất lượng ISO, quản lý xếp hạng tín nhiệm, quản lý rủi ro chung);
- Theo dõi, phụ trách lĩnh vực phát triển mạng lưới kinh doanh bảo hiểm;
- Theo dõi, phụ trách công tác quản lý hệ thống đại lý bảo hiểm của TCTy;
- Theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Thực hiện nhiệm vụ khác (khi HĐQT yêu cầu).

2. Bà Nguyễn Minh Hương - Ủy viên HĐQT

- Phối hợp tham gia với Ông Nguyễn Văn Tiến trong công tác Tài chính - kế toán, quản lý tài sản nợ và rủi ro tài chính;
- Tổ chức, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với cổ đông VIETCOMBANK;
- Thực hiện nhiệm vụ khác (khi HĐQT yêu cầu).

3. Ông Lê Văn Thanh - Ủy viên HĐQT đến ngày 16/01/2017

- Theo dõi, phụ trách lĩnh vực Lao động - tiền lương;
- Tổ chức, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với cổ đông VNSTEEL;
- Thực hiện thêm nhiệm vụ khác (khi HĐQT yêu cầu).

4. Ông Trần Quốc Hùng - Ủy viên HĐQT

- Theo dõi, phụ trách công tác Kiểm toán nội bộ;
- Tổ chức, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với cổ đông MATEXIM;
- Thực hiện thêm nhiệm vụ khác (khi HĐQT yêu cầu).

5. Ông Trần Minh Tuấn - Ủy viên HĐQT

- Theo dõi, phụ trách lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm và môi giới bảo hiểm;
- Tổ chức, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với cổ đông VINARE;
- Thực hiện thêm nhiệm vụ khác (khi HĐQT yêu cầu).

- o Hoạt động các Tiểu ban thuộc HĐQT:

- Ban Tổng hợp – HĐQT

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác quản lý và giải quyết các công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty: Nghiên cứu định hướng chiến lược; theo dõi việc triển khai kế hoạch kinh doanh, các hoạt động tài chính-kế toán hàng năm, hoạt động đầu tư, công tác tổ chức lao động tiền lương; lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, ghi chép nội dung các biên bản, tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT, giúp việc HĐQT giám sát quá trình tổ chức thực hiện; tổng hợp nội dung, lập chương trình và phối hợp với các phòng ban chứng năng của Tổng công ty triển khai thực hiện thủ tục tiến hành họp Đại hội cổ đông, theo dõi quá trình tổ chức và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ ...

- Ban Kiểm toán

Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát trên cơ sở nguyên tắc độc lập, tổ chức thực hiện báo cáo HĐQT theo quy định để kịp thời có các biện pháp điều chỉnh hợp lý đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tuân thủ đúng các quy chế, quy định của Tổng công ty và của Pháp luật..

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex gồm 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Văn Học	Trưởng ban	0	0
2	Phạm Phú Tiến	Thành viên	2.500	0.0035%
3	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	17.632	0.025%
4	Vũ Duy Huynh	Thành viên đến 16/01/2017	0	0
5	Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	1.020	0.0014%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triển khai một số công việc như sau:

- ❖ Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:
 - Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ; xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch hoạt động giám sát cụ thể của năm 2016; phân công nhiệm vụ đến từng thành viên để triển khai thực hiện;
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty.
 - Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị về việc: hoạch định chiến lược kinh doanh; thực hiện các nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; tính phù hợp với các quy định của Pháp luật của các Quy chế, Quy định, Quyết định... của Hội đồng quản trị để đảm bảo hoạt động của Tổng công ty đúng mục tiêu, minh bạch và hiệu quả; tính cần trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT;
 - Kiến nghị và giám sát việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cũng như các quy chế, qui định quản trị nội bộ sao cho phù hợp với các luật và các quy định của pháp luật.
 - Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết HĐQT, việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các chương trình mục tiêu của Ban điều hành;
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
 - Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2015 và 06 tháng năm 2016 của Tổng công ty;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, của Ban điều hành và trình các báo cáo thẩm định của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông và HĐQT lựa chọn Công ty KPMG thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty;

- Xem xét, đánh giá, kiến nghị cụ thể về các chương trình mục tiêu gồm: phát hành vốn cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; bán tài sản có giá trị lớn, quản trị nợ, quản trị rủi ro, đầu tư...

- Thường xuyên soát xét tình hình kinh doanh, tài chính để đánh giá những rủi ro, nguy cơ để có những kiến nghị kịp thời đến Ban quản lý và điều hành;

- Báo cáo cổ đông sở hữu 10% Vốn điều lệ của Tổng công ty trở lên theo yêu cầu.

❖ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát để tham gia ý kiến. Mọi vấn đề, đề xuất liên quan đến hoạt động của Tổng công ty đều được HĐQT đưa ra thảo luận chung và thống nhất ý kiến tại cuộc họp HĐQT;

- Tổ chức các đoàn công tác phối hợp kiểm tra, kiểm soát chung giữa các Ban của HĐQT, Ban KS, Ban TGD để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác quản lý của Tổng công ty.

- Tổ chức thực hiện và chấp hành đầy đủ, kịp thời các quy định của Nhà nước đối với Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và Công ty niêm yết; quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT

3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2016:

* Hội đồng quản trị: Mức lương và thù lao của Hội đồng quản trị thực tế trong năm 2016: 1.628.500.000 đồng.

* Ban Tổng Giám đốc: Mức lương và thù lao của Ban Tổng Giám đốc thực tế trong năm 2016: 3.875.400.000 đồng.

* Ban kiểm soát: Mức lương và thù lao của Ban kiểm soát thực tế trong năm 2016: 1.455.200.000 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Ngày 03/11/2016, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đã bán hết toàn bộ 4.273.920 cổ phiếu của PGI, chiếm 6,02%.

VI. Báo cáo tài chính


1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được kiểm toán bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 18/3/2017. *rh*

Tua
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *rh*



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'S. G. P. I. M. V. C. P.' at the top and 'ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI' at the bottom. The center of the seal contains the text 'TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX' with two stars on either side.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Nam Hải



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy phép kinh doanh
bảo hiểm**

Số 1873/GP-UB

ngày 8 tháng 6 năm 1995

Giấy phép kinh doanh bảo hiểm do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp, có hiệu lực kể từ ngày ký và đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC01/KDBH ngày 25 tháng 3 năm 2013.

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Thái Hương
Ông Nguyễn Văn Tiền
Ông Đào Nam Hải
Bà Nguyễn Minh Hương
Ông Trần Minh Tuấn
Ông Trần Quốc Hùng
Ông Lê Văn Thanh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (*đến ngày 16 tháng 1 năm 2017*)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Học
Ông Phạm Phú Tiến
Bà Lưu Thị Việt Hoa
Ông Vũ Duy Huỳnh
Bà Nguyễn Bích Thủy

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên
Thành viên (*đến ngày 16 tháng 1 năm 2017*)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Nam Hải
Ông Nguyễn An Hòa
Ông Trần Anh Tuấn
Ông Bùi Hoài Giang
Ông Lê Thanh Đạt

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 21, tòa nhà MIPEC
Số 229 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “PJICO”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của PJICO theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của PJICO tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của PJICO cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng PJICO sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Tuan*



Đoàn Nam Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (“Tổng Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – Số liệu so sánh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 41 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm trong đó đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm kết thúc cùng ngày đã được điều chỉnh lại.

Vấn đề khác

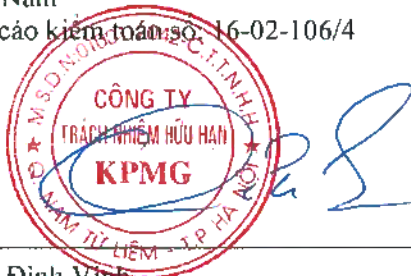
Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không bao gồm các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 41 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Theo Thông báo số 299/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà Nước ngày 9 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu kế toán đối với số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm kết thúc cùng ngày.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-106/4



Trần Đình Vĩnh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2657-2014-007-1

Hà Nội, **18-03-2017**

		Mã	Thuyết	31/12/2016	31/12/2015
		số	minh	VND	(điều chỉnh lại)
					VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		3.653.949.661.837	3.107.226.689.123
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	142.517.888.593	176.116.728.592
1	Tiền	111		112.332.888.593	71.166.728.592
2	Các khoản tương đương tiền	112		30.185.000.000	104.950.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.924.004.410.300	1.569.976.225.295
1	Đầu tư ngắn hạn	121		1.941.442.314.407	1.584.530.974.421
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(17.437.904.107)	(14.554.749.126)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.948.370.665	373.147.822.382
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		394.152.126.574	372.320.901.663
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	328.688.155.114	317.960.806.302
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		65.463.971.460	54.360.095.361
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.279.180.037	7.867.835.896
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	7	54.219.757.122	64.102.583.229
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(65.702.693.068)	(71.143.498.406)
IV	Hàng tồn kho	140		9.807.911.023	11.723.736.562
1	Hàng tồn kho	141	10	9.807.911.023	11.723.736.562
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		99.733.557.720	107.505.013.338
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		97.266.697.123	106.907.268.801
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	11	82.755.235.936	90.505.323.176
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		14.511.461.187	16.401.945.625
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.589.208.969	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		877.651.628	597.744.537
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1.092.937.523.536	868.757.162.954
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	24	299.882.544.212	247.578.253.976
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	24	793.054.979.324	621.178.908.978

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B01 – DNPNT

*(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)*

		Mã	Thuyết	31/12/2016	31/12/2015
		số	minh	VND	(điều chỉnh lại)
					VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		639.122.388.456	609.993.319.405
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		11.533.394.107	10.239.947.567
4	Phải thu dài hạn khác	218		11.533.394.107	10.239.947.567
4.1	Ký quỹ bảo hiểm	218.1	12	6.000.000.000	6.000.000.000
4.2	Phải thu dài hạn khác	218.2		5.533.394.107	4.239.947.567
II	Tài sản cố định	220		360.143.919.637	407.138.512.258
1	Tài sản cố định hữu hình	221	13	235.731.258.872	232.948.448.792
	- Nguyên giá	222		374.190.658.494	347.521.465.585
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.459.399.622)	(114.573.016.793)
3	Tài sản cố định vô hình	227	14	111.762.062.060	154.287.126.583
	- Nguyên giá	228		133.338.087.411	165.627.494.317
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.576.025.351)	(11.340.367.734)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	12.650.598.705	19.902.936.883
III	Bất động sản đầu tư	240	16	86.253.527.991	55.373.517.118
	- Nguyên giá	241		96.057.873.261	60.086.566.355
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(9.804.345.270)	(4.713.049.237)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		175.484.633.709	131.221.934.233
2	Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	1.350.000.000	1.350.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	18	192.668.633.709	151.167.934.233
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	19	(18.534.000.000)	(21.296.000.000)
V	Tài sản dài hạn khác	260		5.706.913.012	6.019.408.229
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		5.706.913.012	6.019.408.229
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.293.072.050.293	3.717.220.008.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B01 – DNPNT
 (Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
 ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 (điều chỉnh lại) VND
A	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		3.378.810.272.355	2.913.485.074.256
I	Nợ ngắn hạn	310	3.362.747.090.061	2.904.212.022.263
2	Phải trả người bán ngắn hạn	312	271.559.496.528	175.602.994.776
2.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	20	168.434.414.928
2.2	Phải trả khác cho người bán	312.2	14.131.510.194	7.168.579.848
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	2.090.849.664	2.690.415.868
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	26.843.192.895
5	Phải trả người lao động	315	118.733.744.280	81.408.079.519
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	-	28.000.000
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	92.662.256.193
9	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	23	53.691.095.501
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	31.774.947.144	23.294.358.581
13	Dự phòng nghiệp vụ	329	2.820.195.317.884	2.447.991.628.930
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	24	1.143.990.748.211
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	24	1.096.002.612.553
13.3	Dự phòng dao động lớn	329.3	24	207.998.268.166
II	Nợ dài hạn	330	16.063.182.294	9.273.051.993
3	Phải trả dài hạn khác	333	2.053.237.300	2.053.237.300
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	4.198.578.040	1.030.703.839
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	9.811.366.954	6.189.110.854
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		914.261.777.938	803.734.934.272
	Vốn chủ sở hữu	410	914.261.777.938	803.734.934.272
1	Vốn cổ phần	411	709.742.180.000	709.742.180.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>	<i>709.742.180.000</i>	<i>709.742.180.000</i>
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	13.252.855.866	3.496.950.000
4	Cổ phiếu quỹ	414	-	(12.558.869.134)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	47.094.617.942	42.439.396.654
9	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	43.732.766.970	38.444.865.555
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	100.439.357.160	22.170.411.197
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	4.293.072.050.293	3.717.220.008.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B01 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	31/12/2016	31/12/2015 (điều chỉnh lại)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
3	Nợ khó đòi đã xử lý	VND 15.305.587.255	13.910.515.412
4	Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND 399.905.261.754	387.000.741.570
5	Ngoại tệ các loại (Nguyên tệ)		
	- Đô la Mỹ (USD)	USD 983.840	23.556
	- Đô la Úc (AUD)	AUD 400	400
	- Euro (EUR)	EUR 7.780	4.683
	- Bảng Anh (GBP)	GBP 150	150

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017

Kế toán Tổng hợp



Chu Công Nguyên

Trưởng phòng Kế toán



Vương Quốc Hưng



Đào Nam Hải

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B02 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	Mã số	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND	
1	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	2.066.758.581.415	1.896.564.438.596
2	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	10.068.517.581	8.876.522.151
3	Doanh thu hoạt động tài chính	12	144.038.222.137	126.750.924.880
4	Thu nhập khác	13	39.251.254.550	103.985.336.103
5	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.731.050.168.814	1.585.830.548.989
6	Giá vốn bất động sản đầu tư	21	8.675.438.058	5.741.188.738
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	39.032.571.970	31.611.893.095
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	316.538.927.461	291.010.725.732
9	Chi phí khác	24	39.424.523.737	102.167.319.913
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 11 + 12 + 13 – 20 – 21 – 22 - 23 - 24)	50	125.394.945.643	119.815.545.263
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23.423.922.783	22.924.114.055
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60	101.971.022.860	96.891.431.208
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.446	1.188

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B02 –DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
1 Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01	26	2.516.982.284.361	2.334.235.637.225
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		2.484.460.174.461	2.230.545.060.131
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		161.146.967.190	163.798.749.254
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	24	128.624.857.290	60.108.172.160
2 Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02	27	583.631.051.966	562.920.010.122
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		635.935.342.202	536.242.682.558
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	24	52.304.290.236	(26.677.327.564)
3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03		1.933.351.232.395	1.771.315.627.103
4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		133.407.349.020	125.248.811.493
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	28	133.384.839.168	125.186.790.039
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		22.509.852	62.021.454
5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		2.066.758.581.415	1.896.564.438.596
6 Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11		1.123.807.923.295	1.025.422.719.653
- Tổng chi bồi thường	11.1		1.125.692.740.981	1.028.144.052.682
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		1.884.817.686	2.721.333.029
7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		158.203.163.288	188.914.015.576
8 Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	24	203.394.929.366	(47.808.208.729)
9 Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	24	171.876.070.346	(101.048.606.258)
10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15	29	997.123.619.027	889.749.101.606
11 Tăng dự phòng dao động lớn	16	24	40.183.902.298	55.743.040.855
12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	30	693.742.647.489	640.338.406.528
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		175.551.475.217	191.211.366.774
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		518.191.172.272	449.127.039.754
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		1.731.050.168.814	1.585.830.548.989
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	19		335.708.412.601	310.733.889.607

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B02 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
(TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND	
15		Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	10.068.517.581	8.876.522.151
16		Giá vốn bất động sản đầu tư	21	8.675.438.058	5.741.188.738
17		Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 – 21)	22	1.393.079.523	3.135.333.413
18		Doanh thu hoạt động tài chính	23	144.038.222.137	126.750.924.880
19		Chi phí hoạt động tài chính	24	39.032.571.970	31.611.893.095
20		Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	25	105.005.650.167	95.139.031.785
21		Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	316.538.927.461	291.010.725.732
22		Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 – 26)	30	125.568.214.830	117.997.529.073
23		Thu nhập khác	31	39.251.254.550	103.985.336.103
24		Chi phí khác	32	39.424.523.737	102.167.319.913
25		(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40	(173.269.187)	1.818.016.190
26		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	125.394.945.643	119.815.545.263
27		Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23.423.922.783	22.924.114.055
29		Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60	101.971.022.860	96.891.431.208
30		Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.446	1.188

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017

Kế toán Tổng hợp

Trưởng phòng Kế toán



Chu Công Nguyên



Vương Quốc Hưng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2016 VND	2015 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.578.886.767.444	2.419.924.471.901
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.806.762.277.669)	(1.792.445.335.027)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(284.699.184.824)	(287.589.880.940)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(24.467.470.743)	(22.547.362.524)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	396.936.623.268	385.396.831.351
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(563.199.679.993)	(562.352.135.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	296.694.777.483	140.386.589.192
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(23.035.294.080)	(40.902.292.735)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	735.828.938	543.811.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.523.008.427.500)	(1.093.414.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	970.052.502.514	950.158.029.167
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(21.672.000.000)
6. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	26	157.072.000.000	558.900.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133.770.614.799	131.712.277.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(284.412.775.329)	(73.015.274.248)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

Mẫu B03 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2016 VND	2015 VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	22.314.875.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.233.415.815)	(62.510.757.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.918.540.815)	(62.510.757.565)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(34.636.538.661)	4.860.557.379
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	176.116.728.592	171.290.749.377
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.037.698.662	(34.578.164)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)	70	142.517.888.593	176.116.728.592

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017

Kế toán Tổng hợp



Chu Công Nguyên

Trưởng phòng Kế toán



Vương Quốc Hưng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1873/GP-UB ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy phép điều chỉnh gần nhất là 67/GPĐC01/KDBH ngày 25 tháng 3 năm 2013.

Tổng Công ty có Trụ sở chính tại tầng 21, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm;
- Giám định tổn thất, giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; và
- Hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 57 đơn vị thành viên trực thuộc, một công ty con là Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex (31/12/2015: 57 đơn vị thành viên trực thuộc, một công ty con và một công ty liên kết). Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng là 100%. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng là kinh doanh vận tải và phương tiện vận tải, đại lý môi giới bảo hiểm và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “PJICO”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, PJICO có 1.614 nhân viên (31/12/2015: 1.572 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc, thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của PJICO là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của PJICO là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được PJICO áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà PJICO có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà PJICO được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của PJICO, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà PJICO phải chia sẻ vượt quá lợi ích của PJICO trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà PJICO có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ PJICO và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi PJICO thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được PJICO nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

PJICO xác định giá trị thị trường của chứng khoán và tính toán số liệu dự phòng cần phải trích lập cho từng chứng khoán theo quy định về lập dự phòng giảm giá chứng khoán quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Trong trường hợp giá trị thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà PJICO dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tương tự như chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của PJICO khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, PJICO áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(f) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép Đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 6 - 35 năm

(k) Các khoản phải trả bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả bảo hiểm và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, PJICO có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (“Thông tư 125”) và Công văn phê duyệt số 17755/BTC-QLBH ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Công văn 17755”). Phương pháp lập dự phòng và các giả định dùng khi tính dự phòng nghiệp vụ của mỗi loại sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt khi sản phẩm được phát hành.

Dự phòng nghiệp vụ của PJICO bao gồm:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm tương ứng với phần rủi ro mà PJICO phải gánh chịu sau ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm. Mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong năm và bằng 50% mức phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

Các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết là khoản tiền được trích lập để thanh toán chi phí ước tính cuối cùng cho các yêu cầu đòi bồi thường đã phát sinh và được thông báo thuộc phần trách nhiệm đến ngày báo cáo, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho các yêu cầu đòi bồi thường này. Dự phòng bồi thường chưa được giải quyết được trích lập theo từng hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường.

Các yêu cầu đòi bồi thường cho “các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các yêu cầu đòi bồi thường đã phát sinh trong kỳ kế toán hiện tại hoặc các kỳ kế toán trước, nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc công ty tái bảo hiểm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng cho IBNR được tính bằng 3% tổng số phí bảo hiểm giữ lại trong năm thuộc trách nhiệm của PJICO theo Công văn 17755.

(iii) Dự phòng dao động lớn

PJICO trích lập dự phòng dao động lớn theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 (“Nghị định 46”), Thông tư 125 và Công văn 17755. Dự phòng dao động lớn được lập ở mức 2% trên mức phí bảo hiểm giữ lại của tất cả các nghiệp vụ.

(n) Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của PJICO được sử dụng để trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm (“Nghị định 73”), sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật định, trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được phân phối lợi nhuận còn lại theo quy định của pháp luật. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(ii) Các quỹ khác

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt.

(o) Ký quỹ bảo hiểm

Theo quy định trong Nghị định 73, PJICO phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định. Khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng mà tài khoản ký quỹ đặt tại đó và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Ghi nhận doanh thu

(i) Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Thông tư 125 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125 (“Thông tư 194”). Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) hoặc khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Doanh thu phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đã đến hạn nộp nhưng chưa thu được và không bao gồm phí bảo hiểm trả trước.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

(ii) Doanh thu nghiệp vụ tái bảo hiểm

Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Hoa hồng theo lợi nhuận nhượng tái bảo hiểm được tính toán và ghi nhận theo các công thức và các điều khoản được xác định trước trong các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời. Khoản hoa hồng theo lợi nhuận này không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm. Tại ngày lập báo cáo, các khoản doanh thu và chi phí liên quan đến các khoản nhận tái bảo hiểm mà bên nhượng tái bảo hiểm chưa gửi bản thanh toán về tái bảo hiểm được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

(iii) Tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của PJICO được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của PJICO mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của PJICO. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường/chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

PJICO thường xuyên rà soát lại các ước tính chi phí bồi thường và chênh lệch giữa các ước tính về số tiền bồi thường phải trả và số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Do đó, các khoản chi phí bồi thường trong kỳ kế toán năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong kỳ kế toán năm liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong các kỳ kế toán năm trước mang sang.

Các khoản thu hồi ước tính từ tài sản tổn thất đã được bồi thường hoặc từ thu đòi người thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị ước tính có thể thực hiện được và được ghi giảm cho các khoản nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.

(s) Chi phí khai thác

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

PJICO trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của PJICO chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của PJICO tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của PJICO là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của PJICO là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, PJICO hoạt động trên một bộ phận là hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của PJICO nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi PJICO và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	10.825.335.539	8.411.722.267
Tiền gửi ngân hàng	101.507.553.054	62.752.773.325
Tiền đang chuyển	-	2.233.000
Các khoản tương đương tiền	30.185.000.000	104.950.000.000
	<u>142.517.888.593</u>	<u>176.116.728.592</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng (i) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng (i) VND
a) Chứng khoán kinh doanh	110.623.099.407	133.778.968.300	(17.437.904.107)	97.946.946.643	91.047.400.517	(14.554.749.126)
- Tổng giá trị cổ phiếu	110.623.099.407	133.778.968.300	(17.437.904.107)	97.946.946.643	91.047.400.517	(14.554.749.126)
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	32.305.029.907	28.552.567.100	(3.752.462.807)	32.305.029.907	32.089.127.817	(215.902.090)
- Ngân hàng TMCP Quân đội	15.000.000.000	10.022.712.000	(4.977.288.000)	15.000.000.000	8.550.000.000	(6.450.000.000)
- Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	14.000.000.000	39.540.000.000	-	14.000.000.000	13.000.000.000	(1.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	7.263.000.000	9.146.000.000	-	9.431.100.000	14.530.880.000	-
- Công ty Cổ Phần Xây lắp 1	6.500.000.000	8.500.340.000	-	6.500.000.000	8.518.350.000	-
- Công ty Cổ Phần Cơ Điện lạnh	5.737.050.000	4.172.949.200	(1.564.100.800)	5.737.050.000	3.709.616.400	(2.027.433.600)
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	10.809.632.500	6.705.000.000	(4.104.632.500)	5.565.005.000	2.258.471.200	(3.306.533.800)
- Tổng Công ty Lương thực Thực phẩm Foodinco	4.348.840.000	2.149.420.000	(2.199.420.000)	4.348.840.000	2.794.246.000	(1.554.594.000)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	6.900.000.000	10.787.500.000	-	-	-	-
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	3.030.000.000	2.190.000.000	(840.000.000)	3.030.000.000	3.030.000.000	-
- Các cổ phiếu khác	4.729.547.000	12.012.480.000	-	2.029.921.736	2.566.709.100	(285.636)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.830.819.215.000		-	1.486.584.027.778		-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (ii)	1.830.819.215.000	(*)	-	1.486.584.027.778	(*)	-
Tổng đầu tư tài chính ngắn hạn	1.941.442.314.407		(17.437.904.107)	1.584.530.974.421		(14.554.749.126)

(*) PJICO chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	14.554.749.126	11.582.761.436
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	2.883.154.981	2.971.987.690
Số dư cuối năm	<u>17.437.904.107</u>	<u>14.554.749.126</u>

(ii) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 3 đến 12 tháng bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,0 – 7,1%/năm (31/12/2015: 5,3 – 11%/năm).

6. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	31/12/2016 VND	31/12/2015 (điều chỉnh lại) VND
Phải thu phí bảo hiểm gốc	181.534.034.031	179.513.667.994
<i>Trong đó</i>		
▪ <i>Phải thu của bên mua bảo hiểm</i>	<i>124.525.432.625</i>	<i>167.697.934.784</i>
▪ <i>Phải thu từ Ngân sách Nhà nước đối với hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP</i>	<i>35.597.083.094</i>	<i>10.418.137.988</i>
▪ <i>Phải thu của các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</i>	<i>21.030.868.312</i>	<i>1.226.733.692</i>
▪ <i>Phải thu khác liên quan đến bảo hiểm gốc</i>	<i>380.650.000</i>	<i>170.861.530</i>
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	31.501.478.636	34.908.083.271
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	115.652.642.447	103.539.055.037
	<u>328.688.155.114</u>	<u>317.960.806.302</u>

Các khoản phải thu khách hàng có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tập đoàn Aon	44.707.605.665	54.345.542.573

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Công ty mẹ)		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	-	6.278.877.251
Các công ty thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Công ty liên quan khác)		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	3.489.412.117	3.596.841.701
Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)		
Các khoản phải thu	37.039.806.125	36.277.794.389

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm	8.606.878.140	13.144.258.968
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	14.379.421.932	20.166.488.674
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.486.597.749	2.681.318.263
Phải thu khác	28.746.859.301	28.110.517.324
	<u>54.219.757.122</u>	<u>64.102.583.229</u>

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 (điều chỉnh lại) VND
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	63.962.467.671	69.403.273.009
Dự phòng phải thu từ hoạt động đầu tư	1.740.225.397	1.740.225.397
	<u>65.702.693.068</u>	<u>71.143.498.406</u>

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Số dư đầu năm	69.403.273.009	52.586.953.848
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(5.440.805.338)	16.816.319.161
Số dư cuối năm	<u>63.962.467.671</u>	<u>69.403.273.009</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015

	31/12/2016						Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 – 2 năm	Quá hạn 2 – 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Dự phòng	
+ Phải thu bảo hiểm gốc	41.026.885.443	6.485.970.224	4.586.447.292	5.364.170.879	24.590.297.048	32.584.231.372	8.442.654.071
+ Phải thu tái bảo hiểm	16.130.241.970	-	-	-	16.130.241.970	16.130.241.970	-
+ Tạm ứng cán bộ công nhân viên	3.239.574.049	1.803.000	24.989.560	524.476.673	2.688.304.816	3.068.474.167	171.099.882
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	1.740.225.397	-	-	-	1.740.225.397	1.740.225.397	-
+ Phải thu khác	13.185.034.907	228.167.080	667.005.150	1.707.650.718	10.582.211.959	12.179.520.162	1.005.514.745
	75.321.961.766	6.715.940.304	5.278.442.002	7.596.298.270	55.731.281.190	65.702.693.068	9.619.268.698

	31/12/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
+ Phải thu bảo hiểm gốc	40.614.218.567	31.497.330.483	9.116.888.084
+ Phải thu tái bảo hiểm	23.069.495.155	21.641.034.587	1.428.460.568
+ Tạm ứng cán bộ công nhân viên	4.990.205.391	3.822.837.284	1.167.368.107
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	1.740.225.397	1.740.225.397	-
+ Phải thu khác	13.863.563.320	12.442.070.655	1.421.492.665
	84.277.707.830	71.143.498.406	13.134.209.424

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo chủ yếu là giá trị của ản chi, vật phẩm cấp cho các công ty thành viên để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị của công cụ, dụng cụ chưa xuất dùng trong năm và các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hàng hóa liên quan đến việc sửa chữa xe ô tô của PJICO.

11. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

	2016	2015
	VND	(điều chỉnh lại)
		VND
Số dư đầu năm	90.505.323.176	96.579.086.106
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	167.801.387.977	185.137.603.844
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm (Thuyết minh 30)	(175.551.475.217)	(191.211.366.774)
Số dư cuối năm	<u>82.755.235.936</u>	<u>90.505.323.176</u>

12. Ký quỹ bảo hiểm

Khoản ký quỹ bảo hiểm được đặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex bằng VND và hưởng lãi suất năm là 6,8% (31/12/2015: 6,8%). Khoản ký quỹ này theo quy định không được phép giải ngân cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc khi có sự chấp thuận trước của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, PJICO vẫn được hưởng lãi trên khoản ký quỹ và tiền lãi có thể được rút bất cứ lúc nào.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	241.307.044.044	74.746.168.190	29.087.319.491	2.380.933.860	347.521.465.585
Tăng trong năm	266.304.123	9.629.360.444	821.688.095	-	10.717.352.662
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh 15)	5.075.338.145	-	12.792.280.499	-	17.867.618.644
Thanh lý, nhượng bán	-	(751.075.036)	(106.806.097)	-	(857.881.133)
Biến động khác	(274.889.125)	(733.622.382)	(49.386.484)	727	(1.057.897.264)
Số dư cuối năm	246.373.797.187	82.890.831.216	42.545.095.504	2.380.934.587	374.190.658.494
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	43.546.968.956	50.973.850.762	19.280.393.327	771.803.748	114.573.016.793
Khấu hao trong năm	8.694.361.114	7.939.789.821	8.277.575.944	709.825.305	25.621.552.184
Thanh lý, nhượng bán	-	(751.075.036)	(95.752.763)	-	(846.827.799)
Biến động khác	(58)	(805.480.114)	(82.861.384)	-	(888.341.556)
Số dư cuối năm	52.241.330.012	57.357.085.433	27.379.355.124	1.481.629.053	138.459.399.622
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	197.760.075.088	23.772.317.428	9.806.926.164	1.609.130.112	232.948.448.792
Số dư cuối năm	194.132.467.175	25.533.745.783	15.165.740.380	899.305.534	235.731.258.872

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44 tỷ VND (31/12/2015: 31 tỷ VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (điều chỉnh lại)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	258.375.636.063	72.220.167.871	24.797.743.281	992.050.200	356.385.597.415
Tăng trong năm	4.190.242.400	4.551.647.582	3.352.800.776	752.909.273	12.847.600.031
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh 15)	38.866.231.936	-	1.351.057.726	635.974.387	40.853.264.049
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 16)	(60.086.566.355)	-	-	-	(60.086.566.355)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.872.369.608)	-	-	(1.872.369.608)
Biến động khác	(38.500.000)	(153.277.655)	(414.282.292)	-	(606.059.947)
Số dư cuối năm	241.307.044.044	74.746.168.190	29.087.319.491	2.380.933.860	347.521.465.585
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	37.441.915.704	44.021.974.624	15.543.320.432	406.133.406	97.413.344.166
Khấu hao trong năm	8.517.978.189	8.931.883.081	4.152.938.551	365.670.342	21.968.470.163
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 16)	(2.412.924.937)	-	-	-	(2.412.924.937)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.951.101.808)	-	-	(1.951.101.808)
Biến động khác	-	(28.905.135)	(415.865.656)	-	(444.770.791)
Số dư cuối năm	43.546.968.956	50.973.850.762	19.280.393.327	771.803.748	114.573.016.793
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	220.933.720.359	28.198.193.247	9.254.422.849	585.916.794	258.972.253.249
Số dư cuối năm	197.760.075.088	23.772.317.428	9.806.926.164	1.609.130.112	232.948.448.792

14. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Quyền sử dụng đất không thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.115.098.257	119.047.214.333	26.465.181.727	165.627.494.317
Mua sắm mới	-	-	35.900.000	35.900.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh 15)	-	-	3.646.000.000	3.646.000.000
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 16)	(9.600.868.084)	(26.370.438.822)	-	(35.971.306.906)
Số dư cuối năm	10.514.230.173	92.676.775.511	30.147.081.727	133.338.087.411
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.748.579.876	-	9.591.787.858	11.340.367.734
Khấu hao trong năm	220.483.879	-	10.015.173.738	10.235.657.617
Số dư cuối năm	1.969.063.755	-	19.606.961.596	21.576.025.351
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18.366.518.381	119.047.214.333	16.873.393.869	154.287.126.583
Số dư cuối năm	8.545.166.418	92.676.775.511	10.540.120.131	111.762.062.060

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 112,3 triệu VND (31/12/2015: 112,3 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Quyền sử dụng đất không thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.115.098.257	109.775.629.333	2.988.280.000	132.879.007.590
Tăng trong năm	-	-	422.605.000	422.605.000
Đầu tư xây dựng cơ bản dờ dang hoàn thành (Thuyết minh 15)	-	9.635.000.000	23.054.296.727	32.689.296.727
Biến động khác	-	(363.415.000)	-	(363.415.000)
Số dư cuối năm	20.115.098.257	119.047.214.333	26.465.181.727	165.627.494.317
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.472.171.604	-	934.147.278	2.406.318.882
Khấu hao trong năm	276.408.272	-	8.657.640.580	8.934.048.852
Số dư cuối năm	1.748.579.876	-	9.591.787.858	11.340.367.734
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	18.642.926.653	109.775.629.333	2.054.132.722	130.472.688.708
Số dư cuối năm	18.366.518.381	119.047.214.333	16.873.393.869	154.287.126.583

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Số dư đầu năm	19.902.936.883	60.672.486.000
Tăng trong năm	15.299.157.796	40.727.809.344
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(17.867.618.644)	(40.853.264.049)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	(3.646.000.000)	(32.689.296.727)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	(1.037.877.330)	(1.987.988.945)
Chuyển sang đầu tư dài hạn khác	-	(4.634.409.233)
Giảm khác	-	(1.332.399.507)
Số dư cuối năm	12.650.598.705	19.902.936.883

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị đầu tư hệ thống công nghệ thông tin về quản lý nghiệp vụ bảo hiểm tại Văn phòng Tổng Công ty và xây dựng trụ sở làm việc tại các đơn vị thành viên, chi tiết như sau:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Văn phòng Tổng Công ty	3.409.667.814	14.028.627.178
Đơn vị thành viên tại Sơn La	3.844.343.362	-
Đơn vị thành viên tại Cà Mau	3.405.348.546	146.636.364
Đơn vị thành viên tại Quảng Nam	1.151.167.110	1.401.167.110
Đơn vị thành viên tại Bình Phước	-	3.777.842.126
Đơn vị thành viên khác	840.071.873	548.664.105
	12.650.598.705	19.902.936.883

16. Bất động sản đầu tư

Nhà và quyền sử dụng đất

	2016 VND	2015 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	60.086.566.355	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	-	60.086.566.355
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	35.971.306.906	-
	96.057.873.261	60.086.566.355
Số dư cuối năm	96.057.873.261	60.086.566.355
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.713.049.237	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	-	2.412.924.937
Tăng trong năm	5.091.296.033	2.300.124.300
	9.804.345.270	4.713.049.237
Số dư cuối năm	9.804.345.270	4.713.049.237
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	55.373.517.118	-
Số dư cuối năm	86.253.527.991	55.373.517.118

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng và nhà gắn liền với đất của PJICO tại số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, được Tổng Công ty đầu tư xây dựng với mục đích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 5 – *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, PJICO hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định giá trị hợp lý này, PJICO sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, PJICO chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex	1.350.000.000	30%	1.350.000.000	30%

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex là dịch vụ sửa chữa ô tô, cho thuê xe, kinh doanh ô tô, thiết bị ô tô và kinh doanh xăng dầu.

18. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2016			31/12/2015 (điều chỉnh lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	77.668.633.709		(18.534.000.000)	86.167.934.233		(21.296.000.000)
- Đầu tư vào đơn vị khác	77.668.633.709		(18.534.000.000)	86.167.934.233		(21.296.000.000)
<i>Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng ngoại quan</i>						
<i>Vân Phong</i>	33.054.525.000	(*)	(18.534.000.000)	33.054.525.000	(*)	(20.534.000.000)
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam</i>	16.807.000.000	69.480.138.000	-	16.807.000.000	69.480.138.000	-
<i>Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam</i>	-	-	-	12.150.000.000	(*)	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu</i>	5.000.000.000	5.000.000.000	-	10.000.000.000	(*)	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát</i>	-	-	-	9.522.000.000	8.760.000.000	(762.000.000)
<i>Công ty Cổ phần Nước giải khát yến sào Khánh Hòa – Diên Khánh</i>	5.950.000.000	5.950.000.000	-	-	-	-
<i>Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam</i>	11.432.000.000	(*)	-	-	-	-
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	5.425.108.709	(*)	-	4.634.409.233	(*)	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.000.000.000		-	65.000.000.000		-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	-	-	35.000.000.000	(*)	-
- Trái phiếu doanh nghiệp	85.000.000.000	(*)	-	10.000.000.000	(*)	-
- Trái phiếu chính phủ	-	-	-	20.000.000.000	(*)	-
c) Ủy thác đầu tư	30.000.000.000		-	-	-	-
Ủy thác đầu tư	30.000.000.000	(*)	-	-	-	-
Tổng đầu tư dài hạn khác	192.668.633.709		(18.534.000.000)	151.167.934.233		(21.296.000.000)

(*) PJICO chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	21.296.000.000 (2.762.000.000)	17.433.700.000 3.862.300.000
Số dư cuối năm	<u>18.534.000.000</u>	<u>21.296.000.000</u>

20. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm

	31/12/2016 VND	31/12/2015 (điều chỉnh lại) VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	183.335.438.740	108.916.187.966
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	34.908.859.664	28.592.106.901
Phải trả bồi thường bảo hiểm	20.393.614.298	15.262.442.648
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	7.818.579.725	6.969.012.374
Phải trả khác	10.971.493.907	8.694.665.039
	<u>257.427.986.334</u>	<u>168.434.414.928</u>

Các khoản phải trả khách hàng có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả khách hàng:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tập đoàn Aon	61.538.768.648	43.960.361.417

Phải trả của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)	72.144.341.961	28.577.892.408

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số dư tại 1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư tại 31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	16.709.634.064	124.991.729.138	(129.302.332.649)	12.399.030.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.643.119.772	23.498.397.289	(24.467.470.743)	5.674.046.318
Thuế nhà đất	-	553.721.028	(553.721.028)	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.390.476.377	10.139.180.353	(11.223.326.250)	2.306.330.480
Thuế nhà thầu	45.514.957	436.739.910	(418.994.793)	63.260.074
Thuế khác	54.447.725	1.289.288.670	(1.289.288.670)	54.447.725
	26.843.192.895	160.909.056.388	(167.255.134.133)	20.497.115.150

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (điều chỉnh lại)

	Số dư tại 1/1/2015 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư tại 31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.096.536.724	123.892.248.786	(118.279.151.446)	16.709.634.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.042.796.360	23.147.685.936	(22.547.362.524)	6.643.119.772
Thuế nhà đất	6.943.527	531.666.207	(538.609.734)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.319.478.061	11.413.126.390	(9.342.128.074)	3.390.476.377
Thuế nhà thầu	59.687.502	317.445.057	(331.617.602)	45.514.957
Thuế khác	54.451.337	446.638.107	(446.641.719)	54.447.725
	18.579.893.511	159.748.810.483	(151.485.511.099)	26.843.192.895

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 (điều chỉnh lại) VND
Kinh phí công đoàn	2.935.474.916	2.429.250.943
Bảo hiểm xã hội	202.898.832	54.245.040
Bảo hiểm y tế	97.443.447	74.088.501
Bảo hiểm thất nghiệp	25.040.760	17.429.103
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.976.296.997	74.189.172.033
Thuế nhà thầu giữ lại (*)	11.839.572.559	11.839.572.559
Phải trả khác	9.318.520.359	4.058.498.014
	28.395.247.870	92.662.256.193

(*) Đây là thuế nhà thầu liên quan đến các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài phát sinh từ năm 2009 đến tháng hai năm 2012 được PJICO giữ lại do đang làm thủ tục miễn giảm thuế với cơ quan thuế. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, PJICO vẫn chưa nhận được quyết định chính thức từ cơ quan thuế về vấn đề này.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	2016	2015
	VND	(điều chỉnh lại) VND
Số dư đầu năm	53.691.095.501	60.467.389.328
Doanh thu hoa hồng phát sinh trong năm	149.194.115.208	118.410.496.212
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm (Thuyết minh 28)	(133.384.839.168)	(125.186.790.039)
Số dư cuối năm	<u>69.500.371.541</u>	<u>53.691.095.501</u>

24. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.272.615.605.501	299.882.544.212	972.733.061.289
Dự phòng bồi thường	1.299.397.541.919	793.054.979.324	506.342.562.595
	<u>2.572.013.147.420</u>	<u>1.092.937.523.536</u>	<u>1.479.075.623.884</u>
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (điều chỉnh lại)</i>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.143.990.748.211	247.578.253.976	896.412.494.235
Dự phòng bồi thường	1.096.002.612.553	621.178.908.978	474.823.703.575
	<u>2.239.993.360.764</u>	<u>868.757.162.954</u>	<u>1.371.236.197.810</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phí chưa được hưởng

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.143.990.748.211	247.578.253.976	896.412.494.235
Trích lập dự phòng trong năm	128.624.857.290	52.304.290.236	76.320.567.054
Số dư cuối năm	<u>1.272.615.605.501</u>	<u>299.882.544.212</u>	<u>972.733.061.289</u>

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (điều chỉnh lại)

	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.083.882.576.051	274.255.581.540	809.626.994.511
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	60.108.172.160	(26.677.327.564)	86.785.499.724
Số dư cuối năm	<u>1.143.990.748.211</u>	<u>247.578.253.976</u>	<u>896.412.494.235</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng bồi thường

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.096.002.612.553	621.178.908.978	474.823.703.575
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	203.394.929.366	171.876.070.346	31.518.859.020
Số dư cuối năm	1.299.397.541.919	793.054.979.324	506.342.562.595

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (điều chỉnh lại)

	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	1.143.810.821.282 (47.808.208.729)	722.227.515.236 (101.048.606.258)	421.583.306.046 53.240.397.529
Số dư cuối năm	1.096.002.612.553	621.178.908.978	474.823.703.575

Biến động dự phòng dao động lớn

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Số dư đầu năm	207.998.268.166	152.255.227.311
Trích lập trong năm	40.183.902.298	55.743.040.855
Số dư cuối năm	248.182.170.464	207.998.268.166

25. **Vốn chủ sở hữu**

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	709.742.180.000	3.496.950.000	(12.558.869.134)	42.439.396.654	38.444.865.555	22.170.411.197	803.734.934.272
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	101.971.022.860	101.971.022.860
Cổ phiếu quỹ	-	9.755.905.866	12.558.869.134	-	-	-	22.314.775.000
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	4.655.221.288	5.287.901.415	(9.943.122.703)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(14.216.635.185)	(14.216.635.185)
Tặng khác	-	-	-	-	-	457.680.991	457.680.991
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	709.742.180.000	13.252.855.866	-	47.094.617.942	43.732.766.970	100.439.357.160	914.261.777.938
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	709.742.180.000	3.496.950.000	(12.558.869.134)	37.676.935.951	33.437.144.267	84.015.052.592	855.809.393.676
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	96.891.431.208	96.891.431.208
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	4.762.460.703	5.007.721.288	(9.770.181.991)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.054.679.445)	(16.054.679.445)
Chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận 2014	-	-	-	-	-	(62.619.613.200)	(62.619.613.200)
Tạm ứng cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận 2015	-	-	-	-	-	(70.068.026.086)	(70.068.026.086)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(223.571.881)	(223.571.881)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	709.742.180.000	3.496.950.000	(12.558.869.134)	42.439.396.654	38.444.865.555	22.170.411.197	803.734.934.272

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	70.974.218	709.742.180.000	70.974.218	709.742.180.000
Vốn cổ phần đã phát hành	70.974.218	709.742.180.000	70.974.218	709.742.180.000
<i>Số cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>
Số cổ phiếu quỹ	-	-	1.396.870	13.968.700.000
<i>Số cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.396.870</i>	<i>13.968.700.000</i>
Số cổ phiếu đang lưu hành	70.974.218	709.742.180.000	69.577.348	695.773.480.000
<i>Số cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>	<i>69.577.348</i>	<i>695.773.480.000</i>

26. Doanh thu phí bảo hiểm

	2016	2015
	VND	(điều chỉnh lại) VND
Phí bảo hiểm gốc	2.495.134.702.522	2.239.839.654.847
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>287.120.819.887</i>	<i>272.953.463.458</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>229.725.144.754</i>	<i>135.369.974.759</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>195.593.362.786</i>	<i>202.213.507.207</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>1.099.194.487.850</i>	<i>1.000.436.835.894</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>154.336.115.904</i>	<i>235.212.367.953</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>441.665.274.873</i>	<i>317.655.948.890</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>87.499.496.468</i>	<i>75.997.556.686</i>
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(10.674.528.061)	(9.294.594.716)
Phí nhận tái bảo hiểm	163.824.215.946	166.866.708.681
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>35.933.799.077</i>	<i>12.011.130.183</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>87.929.222.249</i>	<i>21.700.085.035</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>8.551.193.223</i>	<i>10.721.158.189</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>42.571.263</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>1.657.872.981</i>	<i>1.949.738.452</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>4.589.934.648</i>	<i>61.924.241.781</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>21.232.167.440</i>	<i>39.565.100.708</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>3.887.455.065</i>	<i>18.995.254.333</i>
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2.677.248.756)	(3.067.959.427)
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 24)	(128.624.857.290)	(60.108.172.160)
	2.516.982.284.361	2.334.235.637.225

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Doanh thu phí bảo hiểm gốc với các bên liên quan:

	2016 VND	2015 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	157.933.981.566	149.865.147.293
Các công ty thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	169.345.356.807	146.157.608.293

27. Phí nhượng tái bảo hiểm

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	635.935.342.202	536.242.682.558
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>6.205.087.631</i>	<i>823.048.811</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>222.117.859.437</i>	<i>80.332.049.617</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>73.535.302.677</i>	<i>82.172.349.216</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>2.581.022.513</i>	<i>2.904.789.350</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>77.265.157.565</i>	<i>168.810.344.749</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>227.797.905.195</i>	<i>179.527.423.500</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>26.433.007.184</i>	<i>21.672.677.315</i>
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 24)	(52.304.290.236)	26.677.327.564
	<hr/> 583.631.051.966 <hr/>	<hr/> 562.920.010.122 <hr/>

28. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 23)	133.384.839.168	125.186.790.039

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

29. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	2016	2015
	VND	(điều chỉnh lại)
		VND
Tổng chi bồi thường	1.125.692.740.981	1.028.144.052.682
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>207.294.310.161</i>	<i>144.133.305.212</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>83.093.003.797</i>	<i>30.999.522.348</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>45.929.223.440</i>	<i>44.567.131.149</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>184.954.551</i>	-
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>563.346.939.964</i>	<i>464.796.088.582</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>59.978.864.087</i>	<i>181.759.988.969</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>162.873.619.628</i>	<i>152.879.770.793</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>2.991.825.353</i>	<i>9.008.245.629</i>
Các khoản giảm trừ	(1.884.817.686)	(2.721.333.029)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(158.203.163.288)	(188.914.015.576)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 24)	203.394.929.366	(47.808.208.729)
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 24)	(171.876.070.346)	101.048.606.258
	<hr/>	<hr/>
	997.123.619.027	889.749.101.606
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2016	2015
	VND	(điều chỉnh lại)
		VND
Chi phí hoa hồng bảo hiểm đã phân bổ (Thuyết minh 11)	175.551.475.217	191.211.366.774
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	241.727.267	1.066.482.204
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	2.619.749.820	538.184.270
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	4.286.640.407	16.960.105.274
Chi khác	511.043.054.778	430.562.268.006
	<hr/>	<hr/>
	693.742.647.489	640.338.406.528
	<hr/>	<hr/>

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	9.737.374.315	7.120.484.950
Doanh thu từ cổ tức (Thuyết minh 34(b))	10.505.571.500	16.438.706.500
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ủy thác đầu tư	112.437.580.591	98.254.046.633
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.357.695.731	4.937.686.797
	<hr/>	<hr/>
	144.038.222.137	126.750.924.880
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5(i))	2.883.154.981	2.971.987.690
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 19)	(2.762.000.000)	3.862.300.000
Chi phí tài chính khác	38.911.416.989	24.777.605.405
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	39.032.571.970	31.611.893.095

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Chi phí nhân viên	166.007.980.201	155.532.908.342
Chi phí vật liệu quản lý	9.379.323.796	9.918.923.767
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.609.110.511	8.662.139.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.879.039.995	29.922.653.082
Chi phí thuế và các khoản lệ phí	8.666.153.354	12.148.638.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.742.742.441	39.795.590.034
Chi phí bằng tiền khác	36.254.577.163	35.029.872.353
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	316.538.927.461	291.010.725.732

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 (điều chỉnh lại) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	23.423.922.783	22.924.114.055
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	(điều chỉnh lại)
		VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.394.945.643	119.815.545.263
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.078.989.129	26.359.419.958
Chi phí không được khấu trừ thuế	726.142.262	303.616.691
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(2.381.208.608)	(3.738.922.594)
	<u>23.423.922.783</u>	<u>22.924.114.055</u>

(*) Bao gồm trong đó là các khoản cổ tức và lợi nhuận được chia với tổng giá trị 10.505.571.500 VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2015: 16.438.706.500 VND) (Thuyết minh 31).

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty và công ty con là 20% (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015	2015
		(điều chỉnh lại)	(theo báo cáo
	VND	VND	trước đây)
			VND
Lợi nhuận thuần trong năm	101.971.022.860	96.891.431.208	93.104.425.761
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(14.216.635.185)	(15.091.200.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>101.971.022.860</u>	<u>82.674.796.023</u>	<u>78.013.225.761</u>

(*) Tại ngày báo cáo, PJICO chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu PJICO trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(b) Sổ cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016 VND	2015 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	69.577.348	69.577.348
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	935.308	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	70.512.656	69.577.348

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015 (điều chỉnh lại)	2015 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.446	1.188	1.121

36. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2016	31/12/2015 (điều chỉnh lại)
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,89	16,41
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,11	83,59
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,70	78,38
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,30	21,62
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,27	1,28
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,09	1,07
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,61	0,60
<hr/>			
	Đơn vị	2016	2015 (điều chỉnh lại)
		VND	VND
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	5,55	5,61
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,51	4,54
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,92	3,22
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,38	2,61
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu			
	%	11,15	12,06
<hr/>			

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 –DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

37. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”)		
<i>(Công ty mẹ)</i>		
Vốn góp	363.283.200.000	363.283.200.000
Các khoản phải thu	-	6.278.877.251
Các công ty thành viên Petrolimex		
<i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Các khoản phải thu	3.489.412.117	3.596.841.701
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam		
<i>(Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)</i>		
Vốn góp vào Tổng Công ty	62.373.280.000	62.373.280.000
Đầu tư - giá vốn	16.807.000.000	16.807.000.000
Các khoản phải thu	37.039.806.125	36.277.794.389
Các khoản phải trả	72.144.341.961	28.577.892.408
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
<i>(Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)</i>		
Vốn góp vào Tổng Công ty	71.232.000.000	71.232.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	378.000.000.000	347.484.027.778
Phải thu lãi tiền gửi	10.672.201.389	10.512.213.310
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex		
<i>(Công ty liên kết của Công ty mẹ)</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn	191.000.000.000	167.750.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	7.602.327.778	5.964.227.778
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex		
<i>(Công ty liên kết)</i>		
Vốn góp	1.350.000.000	1.350.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Giao dịch	2016 VND	2015 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”)		
<i>(Công ty mẹ)</i>		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	157.933.981.566	149.865.147.293
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	388.140.273	123.642.966
Các công ty thành viên Petrolimex		
<i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	169.345.356.807	146.157.608.293
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	13.330.470.800	12.890.270.786
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam		
<i>(Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)</i>		
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	81.782.145.261	44.965.521.664
Phí nhượng tái bảo hiểm	221.047.456.253	171.703.293.895
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	40.658.399.840	24.155.193.822
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	18.303.674.151	9.899.517.380
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
<i>(Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)</i>		
Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.696.885.873	19.557.809.695
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex		
<i>(Công ty liên kết của Công ty mẹ)</i>		
Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.438.336.427	13.383.889.685
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và thù lao	3.875.400.000	4.279.044.500

38. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà PJICO phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà PJICO có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình PJICO sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của PJICO như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà PJICO gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Mục đích chính của khung quản lý rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở PJICO đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

PJICO đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của PJICO, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của PJICO. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn PJICO.

Ban Kiểm soát của Tổng Công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của PJICO nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ với mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	131.692.553.054	167.705.006.325
Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	1.830.819.215.000	1.521.584.027.778
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	394.152.126.574	372.320.901.663
Trả trước cho người bán ngắn hạn	(ii)	2.279.180.037	7.867.835.896
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	54.219.757.122	64.102.583.229
Phải thu dài hạn khác	(ii)	11.533.394.107	10.239.947.567
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(iii)	115.000.000.000	30.000.000.000
		2.539.696.225.894	2.173.820.302.458

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của PJICO chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho PJICO.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng, phải thu ngắn và dài hạn khác

Rủi ro tín dụng của PJICO chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, PJICO đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá hợp nhất biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi PJICO đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. PJICO quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của PJICO có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với PJICO. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu của khách hàng đã bị giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị		Dự phòng nợ
	<i>181 – 360 ngày</i>	<i>Trên 360 ngày</i>	phải thu khó đòi
	VND	VND	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.715.940.304	68.606.021.462	(65.702.693.068)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.189.086.178	77.906.437.294	(71.143.498.406)

(iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

PJICO giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với PJICO. Với mức xếp hạng tín nhiệm cao nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó PJICO không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý tài chính của PJICO là đảm bảo ở mức cao nhất rằng PJICO luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của PJICO.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán ngắn hạn	271.559.496.528	-	271.559.496.528
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.090.849.664	-	2.090.849.664
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.134.389.915	-	25.134.389.915
Phải trả dài hạn khác	-	2.053.237.300	2.053.237.300
	<u>298.784.736.107</u>	<u>2.053.237.300</u>	<u>300.837.973.407</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán ngắn hạn	175.602.994.776	-	175.602.994.776
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.690.415.868	-	2.690.415.868
Chi phí phải trả ngắn hạn	28.000.000	-	28.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	90.087.242.606	-	90.087.242.606
Phải trả dài hạn khác	-	2.053.237.300	2.053.237.300
	<u>268.408.653.250</u>	<u>2.053.237.300</u>	<u>270.461.890.550</u>

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá chứng khoán sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của PJICO hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà PJICO nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

PJICO có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của PJICO. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

PJICO có các tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	USD VND	Ngoại tệ khác VND	USD VND	Ngoại tệ khác VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.352.987.886	195.381.525	42.392.061.723	123.963.446
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	9.452.858.413	10.625.509.245	9.799.783.758	8.449.863.096
Phải thu về nhượng tái bảo hiểm	59.922.163.984	312.421.846	70.418.301.750	-
Nợ tài chính				
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	408.207.861	9.474.641.929	2.710.049.744	517.364.391
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	113.067.481.064	-	68.068.437.730	-
	(21.747.678.642)	1.658.670.687	51.831.659.757	8.056.462.151

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được PJICO áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2016	31/12/2015
USD/VND	22.720	22.450

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của PJICO tại 31 tháng 12 năm 2016 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại 31 tháng 12 năm 2016. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
USD (mạnh thêm 1%)	(173.981.429)	404.286.946

Biến động ngược lại của tỉ giá USD có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của PJICO.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của PJICO sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của PJICO như sau.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	131.692.553.054	167.705.006.325
Tiền gửi có kỳ hạn	1.830.819.215.000	1.521.584.027.778
Trái phiếu chính phủ	-	20.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	85.000.000.000	-
	2.047.511.768.054	1.709.289.034.103
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Trái phiếu doanh nghiệp	-	10.000.000.000
	-	10.000.000.000

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do PJICO nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của PJICO theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban quản lý rủi ro phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 193 tỷ VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 8% tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 3,3 tỷ VND.

39. Rủi ro bảo hiểm

Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của PJICO trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. PJICO nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của PJICO và yêu cầu PJICO phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho PJICO được quy định trong Thông tư 125.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của PJICO. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	31/12/2016	31/12/2015 (điều chỉnh lại)
	VND	VND
I. Biên khả năng thanh toán (I = (1)-(2)-(3)-(4))	672.961.918.735	565.827.753.129
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	914.261.777.938	803.734.934.272
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	52.261.642.459	57.920.104.157
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	189.038.216.744	179.987.076.986
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	502.417.949.862	464.525.281.707
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	502.417.949.862	464.525.281.707
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	330.700.892.706	299.292.976.173
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	170.543.968.873	101.302.471.422
Theo tỷ lệ phần trăm	133,94%	121,81%

Biên khả năng thanh toán được tính toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 loại trừ ảnh hưởng của chỉ tiêu “Chi phí hoa hồng chưa phân bổ” và “Tài sản tái bảo hiểm” từ việc áp dụng Thông tư 232. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng việc loại trừ các chỉ tiêu trên phản ánh chính xác hơn khi tính biên khả năng thanh toán.

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn được phân loại lại từ đầu tư tài chính dài hạn	35.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn phân loại lại sang đầu tư tài chính ngắn hạn	(35.000.000.000)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

41. Số liệu so sánh

Theo Thông báo số 299/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà Nước, PJICO đã điều chỉnh hồi tố số liệu kế toán đối với số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm kết thúc cùng ngày. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại/phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	Mã số	31/12/2015 (điều chỉnh lại)	31/12/2015 (theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	317.960.806.302	315.248.054.742
Phải thu khác của khách hàng	131.2	54.360.095.361	54.232.886.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(71.143.498.406)	(71.500.713.781)
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	90.505.323.176	90.146.362.413
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	247.578.253.976	247.279.555.196
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	621.178.908.978	621.160.987.052
Tài sản cố định hữu hình	221	232.948.448.792	232.955.419.065
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(114.573.016.793)	(114.566.046.520)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	19.902.936.883	24.537.346.116
Đầu tư dài hạn khác	258	151.167.934.233	146.533.525.000
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	168.434.414.928	167.837.017.367
Phải trả khác cho người bán	312.2	7.168.579.848	6.266.236.458
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	26.843.192.895	25.474.547.800
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	92.662.256.193	96.276.982.486
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	53.691.095.501	52.778.674.813
Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	1.143.990.748.211	1.143.214.746.000
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	1.096.002.612.553	1.096.894.501.041
Dự phòng dao động lớn	329.3	207.998.268.166	207.969.681.190
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.170.411.197	18.383.405.750

(b) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	2015 (điều chỉnh lại)	2015 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	387.000.741.570	389.134.523.305

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09 – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2015 (điều chỉnh lại) VND	2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.896.564.438.596	1.895.994.766.012
Thu nhập khác	13	103.985.336.103	103.878.928.161
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.585.830.548.989	1.589.721.444.060
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	291.010.725.732	291.298.885.323
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22.924.114.055	21.855.984.314

(d) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	2015 (điều chỉnh lại) VND	2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phí bảo hiểm gốc	01.1	2.230.545.060.131	2.231.242.338.598
Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	163.798.749.254	161.551.409.016
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	60.108.172.160	59.332.169.949
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	536.242.682.558	535.645.284.997
Giảm/(tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	(26.677.327.564)	(26.976.026.344)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	125.186.790.039	125.092.478.234
Tổng chi bồi thường	11.1	1.028.144.052.682	1.028.072.391.134
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	(47.808.208.729)	(46.916.320.241)
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	(101.048.606.258)	(101.066.528.184)
Tăng dự phòng dao động lớn	16	55.743.040.855	55.714.453.879
Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	191.211.366.774	190.852.406.011
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	449.127.039.754	452.567.333.698
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	291.010.725.732	291.298.885.323
Thu nhập khác	31	103.985.336.103	103.878.928.161
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22.924.114.055	21.855.984.314

42. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Theo Thông báo số 22/PJICO-DTU-CV ngày 10 tháng 1 năm 2017, Tổng Công ty công bố trả cổ tức bằng tiền là 70.974.218.000 VND (tỷ lệ 10%). Số tiền phải trả chưa được trích trước trong báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017

Kế toán Tổng hợp

Chu Công Nguyên

Trưởng phòng Kế toán *W*

Vương Quốc Hưng

Tổng Giám đốc *Tuan*

Đào Nam Hải

TỔNG HỢP DÁCH SÁCH CÁC CÔNG TY PJICO

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
1	VP TCT	T21,22 - Tòa nhà Mijee - Số 229 - Tây Sơn - Ngã Tư Sở - Đống Đa - Hà Nội	043.776 0867
2	PJICO Hà Nội	Tầng 5, số 14 Láng Hạ - Thành Công-Đống Đa - Hà Nội	043.976.6868
3	PJICO Thăng Long	Số 211, Trưng Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	04 73021268
4	PJICO Đông ĐỒ	Tầng 2-3, 188 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	04 32606666
5	PJICO Hòa Bình	Số 236 Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	(0218) 3851 355
6	PJICO Bắc Ninh	Số 10, Lô E, Khu Trung Tâm Thương Mại & Dịch vụ Lê Văn Thịnh, Phường Suối Hoa, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0241 3874 394
7	PJICO Bắc Giang	Lô 80+81, N19 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đình Kê, TP Bắc Giang	02403 828 729
8	PJICO Hà Giang	Số 31A, Đường Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang, Tỉnh Hà Giang	(02193) 868 895
9	PJICO Lào Cai	Số 036 - Đường Hoàng Liên - Phường Cốc Lếu - TP.Lào Cai - Tỉnh Lào Cai	0203.822.234
10	PJICO Yên Bái	Số 1082 - Đường Điện Biên - Phường Đồng Tâm - TP Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	0293.860.788
11	PJICO Tuyên Quang	Số 2, Đường Phan Thiết, Phường Phan Thiết, TP.Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	(027) 3820 200
12	PJICO Thái Nguyên	Số 289, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Gia Sang, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	0280.3752.899
13	PJICO Lạng Sơn	Số 63 Bà Triệu, Phường Hoàng Văn Thụ, TP.Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	025.3870.752
14	PJICO Sơn La	Số 173 đường Trường Chinh - P.Quyết Thắng - TP.Sơn La - Tỉnh Sơn La	(022) 3758 558
15	PJICO Phú Thọ	Số 2094 - Đường Hùng Vương - Phường Nông Trang - TP Việt Trì - Phú Thọ	0210 3857 359
16	PJICO Vĩnh Phúc	Số 27 Ngô Gia Tự - Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	2113844171
17	PJICO Quảng Ninh	Số 55 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	(033) 3622 394
18	PJICO Hải Phòng	Số 1 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng.	31.3747643
19	PJICO Hải Dương	Số 245 -Nguyễn Lương Bằng - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương	0320 3892777
20	PJICO Hưng Yên	Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	03213.942.582
21	PJICO Hà Nam	Địa chỉ: 265 - Đường Trường Chinh - phường Hai Bà Trưng- TP Phủ Lý - tỉnh Hà Nam	03513.857.625
22	PJICO Nam Định	Số 193 Mạc Thị Bưởi- Phường Quang Trung- TP. Nam Định	03503 847 160
23	PJICO Thái Bình	Số 10, đường Trần Phú, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	0363 830190
24	PJICO Ninh Bình	Số 126 Đường Đông Phương Hồng, Phường Đông Thành, TP. Ninh Bình	(030) 3881 184
25	PJICO Thanh Hóa	Địa chỉ: 599 Nguyễn Chí Thanh - P. Đông Thọ - Tp. Thanh Hoá	0373.711.878
26	PJICO Nghệ An	Số 13, Đường Nguyễn Sỹ Sách, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An	038.3848863
27	PJICO Hà Tĩnh	SỐ 458 ĐƯỜNG HÀ HUY TẬP - THÀNH PHỐ HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH	0393.885399
28	PJICO Quảng Bình	Địa chỉ: Số 157 Đường Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	(052) 382 1696
29	PJICO Quảng Trị	Địa chỉ: 211 Quốc Lộ - TP.Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị	053.3562524
30	PJICO Huế	Số 76 Phạm Văn Đồng, Phường Vĩ Dạ, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	(054) 382 0202
31	PJICO Đà Nẵng	Số 126 - Nguyễn Chí Thanh - Phường Hải Châu I - Quận Hải Châu - TP.Đà Nẵng	0511-3835666
32	PJICO Quảng Nam	Số 35-37 Đường Hùng Vương - Phường Tân Thạnh - TP.Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam	0510 3 811081
33	PJICO Quảng Ngãi	Số 168 Trương Định - Tp Quảng Ngãi	056-3816 259
	PJICO Bình Định	Số 14 Trường Chinh, Phường Lý Thường Kiệt, TP Quy Nhơn, Bình Định	0563.816.259
34	PJICO Phú Yên	Số 46 Nguyễn Huệ - Phường 5 - Tuy Hòa - Phú Yên	0573 893 137
35	PJICO Khánh Hòa	Số 47 Lê Thành Phương, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	58.3820444
36	PJICO Gia Lai	Địa chỉ: 231 Lý Thái Tổ - P.Diên Hồng - TP.Pleiku - tỉnh Gia Lai	0593 876 012
37	PJICO Đắk Lắk	Quốc Lộ 14 - Tổ dân phố 3 - Phường Nghĩa Phú - Thị xã Gia Nghĩa - Tỉnh Đắk Nông	(0500) 385 8888
38	PJICO Lâm Đồng	A16, Đường Trần Lê, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	0633.53 11 77
39	PJICO Bình Thuận	Số 284 Đường 19/4, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	(062) 3830 988



STT	Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
40	PJICO Tây Ninh	Số 133 đường 30/4, khu phố 4, phường 3, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	066 3810827
41	PJICO Bình Phước	Số 1201 Đường Phú Riêng Đò, Phường Tân Phú, Thị Xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	(0651) 3899 559
42	PJICO Bình Dương	Số 465 Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	(0650) 382 0355
43	PJICO Sài Gòn	Số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, TPHCM	0838.208.351
44	PJICO Gia Định	24A Phan Đăng Lưu, P.6, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	08.355.126.13
45	PJICO Bến Thành	Tầng 5 Toà Nhà VFC Tower Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM	08.39107568
46	PJICO Đồng Nai	Số 117, Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0613.810.236
47	PJICO Vũng Tàu	Số 70 Cô Giang, Phường 4, Tp. Vũng Tàu	0643.591956
48	PJICO Long An	Số 26 Dương số 2, KDC trung tâm IDICO, Phường 6, Tp Tân An, Long An	0723.550.121
49	PJICO Tiền Giang	Số 106 Ấp Bắc, Phường 10, Mỹ Tho, Tiền Giang	0733 955 544
50	PJICO An Giang	Số 140/2A Nguyễn Thái Học - Phường Mỹ Bình - TP.Long Xuyên - Tỉnh An Giang	(0763) 853825
51	PJICO Đồng Tháp	Số 27, Lê Quý Đôn, Phường 1. TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	0673.874 086
52	PJICO Cần Thơ	Số 110 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ	07103.825127
53	PJICO Sóc Trăng	Số 737 Quốc lộ 1, phường 2, thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	079 3612 612
54	PJICO Kiên Giang	Số 615 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hòa, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	(077) 3813859
55	PJICO Cà Mau	Số 283A, Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0780.3838929
56	PJICO Trà Vinh	Địa chỉ: 243 Phan Đình Phùng, P.7, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	0743.850797
57	PJICO Đông Sài Gòn	Số 174 đường Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP HCM	083 5176868
58	PJICO Bạc Liêu	Số 56, đường 23/8, P7, TP Bạc Liêu, Bạc Liêu	0781.3958.686
59	PJICO Hà Thành	Số 65 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	
60	Cứu hộ HP	Số 239 QL5 mới, P. Hùng Vương, Q Hồng Bàng, Hải Phòng	0313.749.678

